

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC

LÊ THU THẢO

**TÌM HIỂU KỸ NĂNG HỌC TẬP PHÂN MÔN
TẬP LÀM VĂN CỦA HỌC SINH LỚP 2
TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ TRẤN SÓC SƠN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Chuyên ngành: Tâm lí học

Người hướng dẫn khoa học

ThS. Lê Xuân Tiến

HÀ NỘI, 2014

LỜI CẢM ƠN !

Bằng những kiến thức tích lũy được trong suốt những năm ngồi trên ghế nhà trường, cùng với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, sự hướng dẫn chỉ bảo tận tình của các thầy cô giáo em đã hoàn thành luận văn tốt nghiệp của mình.

Em xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới các thầy cô giáo Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Bộ môn Tâm lí - Giáo dục, các thầy cô giáo và các em học sinh Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn, đặc biệt là thầy giáo hướng dẫn Th.S Lê Xuân Tiên – người luôn sát cánh cùng em, đã hết lòng giúp đỡ em hoàn thành luận văn này.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan khóa luận tốt nghiệp của mình là kết quả tìm tòi, cố gắng của bản thân dưới sự hướng dẫn của thầy giáo Th.S Lê Xuân Tiến – Giảng viên Bộ môn Tâm lý – Giáo dục, Trường ĐHSP Hà Nội 2.

Đề tài không sao chép từ bất kì một tài liệu sẵn có nào.

Kết quả nghiên cứu không trùng với tác giả khác.

Hà Nội, tháng 5 năm 2014

Sinh viên

Lê Thu Thảo

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

LỜI CAM ĐOAN

PHẦN MỞ ĐẦU	5
1. Lý do chọn đề tài.....	5
2. Mục đích nghiên cứu.....	6
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu	6
4. Giả thuyết khoa học	6
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	7
6. Phương pháp nghiên cứu.....	7
7. Phạm vi nghiên cứu.....	7
8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	7
9. Cấu trúc của khóa luận.....	8
PHẦN NỘI DUNG	9
Chương 1.Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu	9
1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài khóa luận	9
1.2. Những vấn đề lý luận liên quan đến đề tài.....	10
1.2.1.Hoạt động học tập của học sinh tiểu học	10
1.2.2.Khái niệm kỹ năng	11
1.2.3.Kỹ năng học tập	13
1.2.4.Các kỹ năng học phân môn Tập làm văn	15
1.2.4.1.Kỹ năng nói	15

1.2.4.2.Kỹ năng viết văn bản.....	17
1.2.5. Một số đặc điểm tâm lí của học sinh đầu tiểu học có liên quan đến đề tài khóa luận	18
1.2.6. Khái quát về phân môn Tập làm văn lớp 2	19
1.2.6.1. Dạy các nghi thức lời nói thực chất là luyện nói lời hội thoại	20
1.2.6.2. Kỹ năng làm việc	20
1.2.6.3. Cách tổ chức đoạn bài	20
Chương 2. Thực trạng kỹ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 2	21
2.1.Thực trạng kỹ năng nói	22
2.2.Thực trạng kỹ năng viết bài Tập làm văn	24
2.2.1.Thực trạng kỹ năng hiểu đề.....	25
2.2.2.Thực trạng kỹ năng lập dàn ý	29
2.2.3.Thực trạng kỹ năng diễn đạt.....	32
2.3. Phân tích một số biên bản dự giờ và các phương pháp dạy học Tập làm văn của giáo viên Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn	38
Chương 3. Thử nghiệm biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng học tập phân môn Tập làm văn cho học sinh lớp 2	41
3.1.Mục tiêu thử nghiệm	41
3.2.Biện pháp tiến hành.....	41
3.2.1.Kỹ năng nói	41
3.2.2.Kỹ năng viết	42
3.3.Kết quả thử nghiệm kỹ năng nói và kỹ năng viết	43
3.4. Đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng học tập phân môn Tập làm văn cho học sinh lớp 2	45

3.4.1. Tăng cường hướng dẫn học sinh học và tích lũy vốn kiến thức văn qua các phân môn Tiếng Việt khác	45
3.4.2. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh	47
3.4.3. Tăng cường các hoạt động tham quan, tìm hiểu thiên nhiên, đọc sách báo	47
Giáo án thực nghiệm	51
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	54
1.Kết luận	54
2.Một số kiến nghị.....	55
TÀI LIỆU THAM KHẢO	56
PHỤ LỤC	

PHẦN MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Giáo dục tiểu học là bậc học nền tảng. Trong điều 2 của “Luật phổ cập giáo dục tiểu học” được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 9, thông qua ngày 12 tháng 8 năm 1991: “Giáo dục tiểu học là bậc học nền tảng của hệ thống giáo dục quốc dân, có nhiệm vụ xây dựng và phát triển tình cảm, đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ và thể chất của trẻ em, nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển toàn diện nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Theo K.A.Usinxki “ Trẻ em đi vào đời sống tinh thần của mọi người xung quanh nó, duy nhất thông qua phương tiện tiếng mẹ đẻ và ngược lại, thế giới bao quanh đứa trẻ được phản ánh trong nó chỉ thông qua công cụ này”. Chính vì vậy tiếng mẹ đẻ là môn học chính của trường tiểu học. Môn học này có nhiệm vụ hình thành cho học sinh những kỹ năng cơ bản của hoạt động ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và giáo dục cho các em những tư tưởng và tình cảm đúng với ngôn ngữ mẹ đẻ, với dân tộc và đạo lý làm người.

Phân môn Tập làm văn có vị trí đặc biệt trong quá trình dạy học tiếng mẹ đẻ. Đây là phân môn sử dụng và hoàn thiện một cách tổng hợp các kiến thức và kỹ năng tiếng việt mà các phân môn Tiếng Việt khác đã hình thành. Phân môn Tập làm văn rèn cho học sinh kỹ năng sản sinh lời nói (ngôn bản), nhờ đó tiếng việt không chỉ định xem xét từng phần, từng mặt qua từng phân môn mà trở thành một công cụ tổng hợp để giao tiếp, tư duy, học tập.

Các em học sinh lớp 2, vốn sống còn ít, vốn hiểu biết về Tiếng Việt còn rất sơ sài, chưa định rõ trong giao tiếp, câu văn viết còn cụt ngủn, hoặc câu có thể

có đủ ý nhưng chưa có hình ảnh, các từ được dùng về nghĩa còn chưa rõ ràng, việc trình bày diễn đạt của các em còn rất sơ lược.

Nhận thấy được tầm quan trọng của Tập làm văn, tôi mạnh dạn chọn đề tài “Tìm hiểu kỹ năng học tập phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn” làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Nhiệm vụ của dạy học Tập làm văn là hình thành, phát triển năng lực tạo lập ngôn bản ở học sinh. Năng lực tạo lập ngôn bản được phân tích thành các kỹ năng bộ phận như: xác định mục đích nói, lập ý, triển khai ý thành lời dưới dạng nói, viết thành câu, đoạn, bài. Đề tài này nghiên cứu nhằm điều tra thực trạng kỹ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 2. Trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp nhằm góp phần hình thành và nâng cao kỹ năng học phân môn Tập làm văn cho học sinh lớp 2.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

- Khách thể nghiên cứu: 158 học sinh khối lớp 2 - Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn.

- Đối tượng nghiên cứu: Tìm hiểu kỹ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 2.

4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

Các kỹ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 2 đang hình thành và phát triển. Tuy nhiên sự hình thành và phát triển các kỹ năng của học sinh còn hạn chế và không đồng đều ở các học sinh, kỹ năng nói tốt hơn kỹ năng viết. Nguyên nhân chủ yếu là do giáo viên chưa chủ động hình thành các kỹ năng học phân môn Tập làm văn cho học sinh.

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

- Nghiên cứu tài liệu có liên quan đến vấn đề kỹ năng để xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài.
- Phát hiện thực trạng kỹ năng học Tập làm văn của học sinh lớp 2.
- Tiến hành thử nghiệm để tìm ra một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy Tập làm văn cho học sinh lớp 2.

6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp quan sát (dự giờ và ghi biên bản những giờ học Tập làm văn của học sinh lớp 2).
- Phương pháp đàm thoại: trò chuyện với giáo viên và học sinh để thu thập những thông tin cần thiết liên quan đến đề tài.
- Phương pháp nghiên cứu sản phẩm của học sinh (vở ghi Tập làm văn...)
- Phương pháp thực nghiệm phát hiện (xây dựng các bài tập đo nghiệm để phát hiện thực trạng).
- Phương pháp thống kê toán học (xử lý các số liệu đo được).

7. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Tìm hiểu kỹ năng nói, kỹ năng viết trong môn Tập làm văn của học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn.

8. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

Việc tìm hiểu, phát hiện, nghiên cứu thực trạng kỹ năng học phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 2 có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết. Trên cơ sở những vấn đề tìm hiểu, nghiên cứu được, sẽ làm rõ thêm về các kỹ năng khi học tập phân môn Tập làm văn như nói, viết. Khi điều tra thực trạng các kỹ năng của học sinh giúp chúng ta phát hiện ra những ưu, nhược điểm trong

thực tiễn. Để trên cơ sở đó đưa ra một số biện pháp nhằm góp phần nâng cao kỹ năng học Tập làm văn của học sinh lớp 2 nói riêng, học sinh tiểu học nói chung.

9. CẤU TRÚC CỦA KHÓA LUẬN

PHẦN MỞ ĐẦU

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1. Cơ sở lý luận

Chương 2. Thực trạng kỹ năng học tập phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 2

Chương 3. Thử nghiệm biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng học tập phân môn Tập làm văn cho học sinh lớp 2.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài khóa luận

Kỹ năng học tập là một vấn đề quan trọng và cần thiết ở mọi cấp học. Chính vì vậy nó rất được quan tâm chú ý, trở thành đề tài nghiên cứu tìm hiểu ở mọi quốc gia.

Trên thế giới đại diện một số tác giả nghiên cứu về vấn đề này như A. Vpetrvxki có công trình nghiên cứu về kỹ năng vận dụng sáng tạo tri thức, N.A Menchinxkasa có công trình về kỹ năng độc lập học tập...

Ở Việt Nam, có tác giả Nguyễn Minh Hải nghiên cứu về kỹ năng giải toán có lời văn của học sinh tiểu học và những điều kiện tâm lý hình thành chúng. Tác giả Nguyễn Thị Mùi nghiên cứu về kỹ năng sử dụng mô hình trong giải bài tập toán có lời văn của học sinh lớp 3. Tác giả Nguyễn Thụ Thông Thái thì nghiên cứu về hình thành kỹ năng học tập cơ bản cho học sinh lớp 1 thông qua một số môn học....

Ngoài ra thì còn có 1 số tác giả nghiên cứu về kỹ năng trong giảng dạy các môn học. Điển hình như môn Tiếng Việt có tác giả Lê Phương Nga, Đỗ Xuân Thảo...

Lê Hữu Tinh và những tác giả khác đã chỉ ra sự mã hóa và giải mã trong môn Tiếng Việt có liên quan đến sự mã hóa và giải mã nói chung. Tác giả Nguyễn Trí đã đưa ra các yêu cầu luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh tiểu học.

Như vậy là đã có nhiều công trình nghiên cứu về kỹ năng học tập của học sinh. Nhưng thực trạng kỹ năng học tập phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn thì chưa ai nghiên cứu. Vì thế tôi chọn đề tài “Tìm hiểu kỹ năng học tập phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn” để nghiên cứu.

1.2.Những vấn đề lý luận liên quan đến đề tài

1.2.1. *Hoạt động học của học sinh tiểu học*

Hoạt động học là hoạt động chủ đạo của học sinh tiểu học. Cho đến nay các nhà tâm lý học quan tâm nghiên cứu về trẻ em đều thống nhất quan điểm về sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em tương ứng với hoạt động chủ đạo và đều nhất trí với nhau trong việc xác định hoạt động học là hoạt động chủ đạo của học sinh tiểu học. Hoạt động này có một số đặc điểm sau:

- Hoạt động học đích thực lần đầu tiên xuất hiện ở học sinh tiểu học đó là hoạt động có đối tượng, có phương pháp và được tổ chức chuyên biệt.

- Hoạt động học tạo ra sự phát triển tâm lý học sinh, đó là sự phát triển các quá trình tâm lý, hình thành các thuộc tính tâm lý và nhân cách học sinh, đáng lưu ý ở cấp học này là sự phát triển trí tuệ của các em.

- Hoạt động học được hình thành ở học sinh bằng phương pháp nhà trường do người có tay nghề tổ chức chỉ đạo.

- Hoạt động học có đối tượng chuyên biệt, đối tượng này được cụ thể hóa ở nội dung học tập của học sinh. Nội dung đó chính là hệ thống khái niệm khoa học, hệ thống tri thức khoa học thuộc các môn học như Tiếng Việt, Toán, Đạo Đức.....Nội dung này được nhà trường chọn lọc đưa đến cho học sinh trên cơ sở của lôgic khoa học xác định với những nguyên tắc của nhà trường, nhằm đạt mục tiêu nhất định.

Học sinh lĩnh hội nội dung trên bằng hoạt động học với các thành tố như động cơ học, nhiệm vụ học và các hành động học.

- Động cơ học là cái vì nó mà học sinh học, là cái thôi thúc học sinh học. Động cơ học tập chân chính, đích thực của học sinh tiểu học chính là nội dung học và phương pháp lĩnh hội nội dung đó.

- Nhiệm vụ học tập là hình thức cụ thể hóa nội dung học thành mục đích học và phương tiện đạt mục đích đó. Mỗi nhiệm vụ học tạo ra ở học sinh năng lực mới, cái mới trong tâm trí chứ không đơn thuần là tích lũy thêm, không phải là gộp thêm vào vốn kinh nghiệm đã có.

- Hành động học, học sinh thực hiện nhiệm vụ học bằng các hành động học. Có ba loại hành động học :

+ Hành động phân tích là hành động tiên quyết trong quá trình lĩnh hội tri thức của học sinh. Đó là quá trình học sinh phân giải đối tượng thành các yếu tố và mối liên hệ giữa chúng. Mục đích của hành động phân tích là phát hiện ra nguồn gốc, cấu trúc của khái niệm.

+ Hành động mô hình hóa là quá trình học sinh xác lập mối quan hệ giữa đối tượng và mô hình của nó bằng phép tương ứng hay đẳng cấu. Thông qua mô hình học sinh nghiên cứu gián tiếp đối tượng. Học sinh lập mô hình phải dựa vào kết quả của hành động phân tích.

+ Hành động cụ thể hóa là quá trình học sinh vận dụng tri thức, phương pháp chung để giải bài tập, hình thành kỹ năng, kỹ xảo. Mục đích của hành động này là vận dụng mối quan hệ tổng quát của khái niệm vào các trường hợp cụ thể.

Vận dụng cấu trúc của hoạt động học vào quá trình dạy và học tập phân môn Tập làm văn, giáo viên căn cứ vào nội dung học để thiết kế thành các nhiệm vụ học. Hướng dẫn học sinh thực hiện các hành động học để giải quyết nhiệm vụ học.

1.2.2. Khái niệm kỹ năng

Xét về phương diện lí luận các công trình nghiên cứu đều có nhiều điểm thống nhất khi bàn về kỹ năng, có thể nhận thấy ba quan niệm sau:

a. Quan niệm thứ nhất

Khái niệm kỹ năng là khả năng thực hiện hành động phù hợp với các mục đích và điều kiện mà trong đó con người được định hướng. Theo quan niệm này chú trọng đến khía cạnh cách thức hành động, còn việc nắm được

cách thức hành động là có kỹ năng. Các tác giả theo hướng này nhấn mạnh mặt kỹ thuật của hành động (V.S.Kudin, V.A.Krutetxki, A.G.Coovaliốp).

b. Quan niệm thứ hai

Xét về mặt kết quả hình thành, để đánh giá một cá nhân có kỹ năng hành động nào đó dựa vào những tiêu chuẩn sau: Cá nhân phải hiểu rõ mục đích của hành động, các yếu tố (cách thức, điều kiện, phương tiện) để triển khai nó, biết triển khai hành động đúng đắn và thành thực trong thực tiễn. Một hành động còn phạm lỗi hay tốn nhiều thời gian, sức lực chưa thể là hành động có kỹ năng.

Như vậy quan niệm thứ hai coi kỹ năng không chỉ đơn thuần bao gồm mặt kỹ thuật của hành động mà còn chú trọng tới mặt kết quả của nó trong mối quan hệ với mục đích, phương tiện, điều kiện và cách thức tiến hành hành động.

c. Quan niệm thứ ba

Quan niệm thứ ba cho rằng kỹ năng là việc vận dụng những tri thức và các kỹ xảo đã có vào việc lựa chọn và thực hiện những phương thức hành động đã được đặt ra. Theo A.V.Petrovski: Để cho tri thức trở thành cơ sở của sự lựa chọn đúng đắn các hành động, thì cần phải lựa chọn đúng đắn và vận dụng đúng đắn những tri thức này.

Từ các quan niệm trên, có thể khái quát những điểm chung nhất về kỹ năng như sau: Người có kỹ năng về một hành động nào đó cần phải có tri thức về hành động nào đó, bao gồm: mục đích của hành động, các cách thức thực hiện hành động, các điều kiện, phương tiện để đạt được mục đích. Tiến hành hành động theo đúng các yêu cầu của nó. Đạt được kết quả phù hợp với mục đích đề ra. Biến hành động có kết quả trong những điều kiện khác.

Cơ chế hình thành kỹ năng: Kỹ năng thực chất là cơ chế hình thành hành động và luyện tập hành động đó trong các điều kiện khác nhau.

Các bước hình thành kỹ năng:

. Bước 1: Cá nhân nhận thức đầy đủ về mục đích, cách thức và điều kiện thực hiện hành động. Cá nhân phải xác định được các yếu tố đã cho, yếu tố phải tìm và mối quan hệ giữa chúng.

. Bước 2: Cá nhân quan sát mẫu và làm thử theo mẫu, theo sự định hướng ở bước trên.

. Bước 3: Cá nhân luyện tập hành động theo đúng yêu cầu, điều kiện của hành động nhằm đạt được kết quả đề ra.

1.2.3. Kỹ năng học tập

Trong tâm lí học kỹ năng học tập được hiểu là khả năng vận dụng có kết quả những tri thức về phương thức thực hiện các hành động học tập đã được học sinh lĩnh hội để giải quyết nhiệm vụ học tập đề ra, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện cho phép.

Kỹ năng học tập của học sinh có các đặc trưng như sau:

- Kỹ năng học tập thể hiện mặt năng lực học tập của học sinh, nó liên quan chặt chẽ với hiệu quả học tập và là yếu tố có tính chất quyết định đến kết quả học tập.

- Kỹ năng học tập thể hiện mặt kỹ thuật của hành động học tập, là sự tổ hợp các phương thức thực hiện hành động học tập đã được học sinh nắm vững và vận dụng có hiệu quả vào việc giải quyết các nhiệm vụ học tập đề ra.

- Kỹ năng học tập là một hệ thống phức tạp và phát triển, bao gồm trong nó những kỹ năng chuyên biệt. Có những kỹ năng chung cơ bản, cần thiết cho nhiều môn học, có những kỹ năng riêng của từng môn học.

Tác giả Nguyễn Kế Hào đã chỉ ra một hệ thống các kỹ năng học tập cơ bản của học sinh tiểu học bao gồm: hệ thống kỹ năng thực hiện hành động phân tích như kỹ năng thao tác với vật thật hoặc vật thay thế để phát hiện lôgic của đối

tượng nghiên cứu ẩn tàng trong đó. Hệ thống kỹ năng thực hiện hành động lập mô hình như kỹ năng vẽ hình, ghi ký hiệu...Hệ thống kỹ năng cụ thể hóa, kỹ năng vận dụng trong học tập và trong đời sống hành ngày như kỹ năng tính nhẩm (cộng, trừ, nhân, chia), kỹ năng nghe, nói, đọc, viết... [6-Tr72]

Tuy nhiên đối với học sinh lớp 2 hoạt động học nối tiếp hoạt động học ở lớp 1, nên có một kỹ năng cơ bản đã được hình thành ngay từ lớp 1. Vậy sang lớp 2 thì những kỹ năng học tập cơ bản ấy có được duy trì hoàn thiện và phát triển như thế nào để tiếp tục củng cố cho hệ thống kỹ năng học tập cơ bản của học sinh tiểu học.

- Với học sinh tiểu học vấn đề trọng tâm trong hoạt động học tập là việc hình thành và rèn luyện kỹ năng học tập. Kỹ năng học tập là loại kỹ năng luôn gắn với các hành động học tập. Để hình thành kỹ năng cho học sinh trước hết cần phải biết phân giải quá trình hình thành kỹ năng đó thành một hệ thống các việc làm. Mỗi việc làm bao gồm một chuỗi các thao tác diễn ra theo một trật tự logic chặt chẽ, đây chính là những kỹ năng mới. Như vậy, việc hình thành kỹ năng học tập bao gồm việc triển khai từng nội dung học tập thành hệ thống các việc làm, triển khai việc làm thành hệ thống các thao tác. Với quy trình này, trong dạy học có thể và cần phải triển khai một cách đồng bộ và toàn diện việc hình thành và rèn luyện kỹ năng học tập ở các môn học.

- Khi nghiên cứu sự hình thành kỹ năng nhiều nhà tâm lí học cho rằng thực chất của việc hình thành kỹ năng là làm cho học sinh nắm vững một hệ thống phức tạp các thao tác, nhằm biến đổi và làm sáng tỏ những thông tin chứa đựng trong bài tập, trong nhiệm vụ và đối chiếu với những hành động cụ thể. Muốn vậy khi hình thành kỹ năng cho học sinh cần phải:

+ Giúp học sinh biết cách tìm tòi để nhận xét ra các yếu tố đã cho, yếu tố phải tìm và mối quan hệ giữa chúng.

+ Giúp học sinh hình thành một mô hình khái quát để giải quyết các bài tập, các đối tượng cùng loại.

+ Xác định được mối liên quan giữa các bài tập mô hình khái quát và kiến thức tương ứng.

1.2.4.Các kỹ năng học phân môn Tập làm văn

Xuất phát từ mục tiêu của môn học, các kỹ năng sử dụng Tiếng Việt (đọc, viết, nghe, nói) trở thành trọng tâm và luyện tập suốt cấp tiểu học. Kỹ năng học tập Tiếng Việt là một hệ thống kỹ năng đặc biệt. Nó mang tính hệ thống cao và gắn liền với văn hóa ứng xử, mang đậm tính dân tộc, gắn với vốn kinh nghiệm, vốn hiểu biết của cá nhân. Nó còn mang tính thực hành cao, gắn liền với các dạng hoạt động lời nói, các tình huống giao tiếp.

Theo các tác giả Nguyễn Trí, Lê Phương Nga, Nguyễn Minh Thuyết thì có bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng việt của học sinh tiểu học. Đối với phân môn Tập làm văn thì kỹ năng nói, kỹ năng viết là quan trọng nhất.

1.2.4.1.Kỹ năng nói

Nói là hành động phát tin nhờ sử dụng bộ máy phát âm. Đầu tiên học sinh nói phải xác định nội dung lời nói, lựa chọn ngôn ngữ để diễn tả nội dung đó. Sau đó, học sinh sử dụng bộ máy phát âm để truyền đi chuỗi lời nói đã được xác định. Từ đặc điểm kiểu giao tiếp, người ta nói đến hai dạng nói: đối thoại và độc thoại. Mỗi dạng có những đặc điểm riêng:

- Đối thoại là học sinh tham gia vào quá trình xây dựng nội dung và diễn biến cuộc hội thoại. Đối thoại đòi hỏi sự thích ứng nhanh khi đổi vai để có thể nhập ngay vào nội dung của đối thoại. Lời đối thoại thường ngắn gọn, các từ đưa đẩy chêm xen được sử dụng nhiều tạo ra câu văn lời văn có phong cách

khẩu ngữ. Có sự hỗ trợ của các yếu tố phi ngôn ngữ như điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt, giọng cười.

- Đọc thoại thường giữ vai trò chủ động trong việc lựa chọn nội dung, định hướng nói, trong việc xác định phương pháp nói. Lời đọc thoại thường diễn ra liên tục do đó học sinh ít có thời gian ngừng nghỉ để chuẩn bị. Điều này đòi hỏi học sinh cần chuẩn bị kỹ lưỡng nội dung trước khi nói. Sự chuẩn bị không chu đáo sẽ dẫn tới tình trạng nói lộn xộn hoặc luống cuống không nói được.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói, trước tiên phải kể đến hoạt động của bộ máy phát âm. Nếu bộ máy này có khuyết tật sẽ ảnh hưởng lớn đến kỹ năng nói. Mặt khác vốn sống vốn hiểu biết của học sinh, khả năng nhanh nhạy, thông minh, cách chọn đề tài nói sao cho đúng sở trường của bản thân, đúng yêu cầu người nghe.... Là những yếu tố ảnh hưởng lớn đến sự thành bại của bài nói.

Trong môn Tiếng Việt hiện nay phân môn Kể chuyện và Tập làm văn đều có nội dung luyện nói. Các giờ Tập làm văn nói có nhiệm vụ luyện cho học sinh khả năng đọc thoại để trình bày các bài nói thuộc nhiều đề tài khác nhau: miêu tả, kể chuyện, viết thư, tường thuật : “Trong thực tế hiện tại ít giờ Tập làm văn nói thành công. Thường học sinh không chịu nói hoặc nếu bắt buộc phải nói thì đọc lại bài đã chuẩn bị. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên: học sinh phải nói cả những bài thể nó (ví dụ một bức thư, một bài văn tả cảnh...)” [10, tr 87]

Các bài luyện kỹ năng nói ở trường tiểu học.

a) Loại bài luyện tập phát âm theo chuẩn.

b) Loại bài tập tình huống (chơi đóng vai, đóng kịch...) để luyện các nghi thức lời nói và phát triển ngôn ngữ nói. Ở lớp 1, 2 học sinh từng nhóm

chơi đóng vai ông già và các cháu nhỏ, người bán hàng và người mua hàng....để luyện các nghi thức lời nói.

c) Loại bài luyện cách nói dựa theo câu hỏi định hướng hoặc trả lời câu hỏi. Hiện nay ở các lớp 2 và 3 có các tiết Tập làm văn nói kể lại nội dung bài tập đọc, nội dung của tranh vẽ...theo các câu hỏi gợi ý.

d) Loại bài tập luyện cách nói theo dàn bài. Hình thức này được luyện tập trong các tiết tập làm văn nói để bài tập làm văn nói phải tạo ra tình huống giao tiếp, tạo nhu cầu và hứng thú nói năng cho học sinh khi bước vào tiết học, hướng dẫn học sinh sử dụng các yếu tố phụ trợ (điệu bộ, nét mặt, cử chỉ...) khi nói năng. Tổ chức lớp học theo hình thức phù hợp với giờ tập làm văn nói.

e) Loại bài tập luyện kỹ năng hội thoại. Giáo viên lựa chọn đề tài có thể gây tranh cãi xây dựng thành tình huống giao tiếp để kích thích hứng thú tham gia của học sinh.

f) Loại bài kể chuyện: loại bài tập này được áp dụng cả ở phân môn Kể chuyện và phân môn Tập làm văn. Cần chú ý hướng dẫn học sinh có tư thế, có giọng kể thích hợp, biết sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ hỗ trợ đặc biệt nắm vững câu chuyện định kể.

1.2.4.2.Kỹ năng viết văn bản

Kỹ năng viết văn bản có hai mức độ:

+ Mức độ thấp là chép lại, ghi lại các văn bản đã có theo lời người khác đọc hoặc dựa vào trí nhớ. Đó là loại bài chính tả.

+ Mức độ cao là sự sáng tạo các loại văn bản theo đề tài tự chọn hoặc quy định. Viết các loại văn bản đòi hỏi nắm vững một hệ thống kỹ năng đa dạng. Có loại kỹ năng thường gắn với các thao tác tư duy như: kỹ năng xác định yêu cầu của đề tài, kỹ năng tìm ý để lập dàn ý, kỹ năng phát triển ý...Có loại kỹ

năng thiên về mặt ngôn ngữ như kỹ năng diễn đạt ý thành câu và đoạn, kỹ năng liên kết đoạn và bài, kỹ năng viết câu, dùng từ, kỹ năng sửa chữa văn bản.

Để viết thành công các loại văn bản cần có vốn hiểu biết phong phú về đề tài bài viết, nắm vững đặc điểm đề tài định viết, có kỹ năng dùng từ đặt câu, kỹ năng viết các loại văn bản thuộc các đề tài mà đề bài yêu cầu.

Kỹ năng viết các loại văn bản một cách sáng tạo được luyện tập từ lớp 2 đến lớp 5. Lớp 2-3 luyện tập các kỹ năng bộ phận liên quan đến các loại bài làm văn sẽ học ở lớp 4-5 như kỹ năng dùng từ đặt câu, kỹ năng quan sát, kỹ năng thuật lại nội dung bài học, kỹ năng trả lời các câu hỏi.

Các loại bài luyện tập viết văn bản:

- a) Loại bài tập tìm hiểu đề bài, tìm ý và lập dàn ý gắn với từng loại văn bản.
- b) Loại bài tập diễn đạt thành đoạn và bài theo các loại văn bản.

1.2.5. Một số đặc điểm tâm lí của học sinh đầu tiểu học có liên quan đến đề tài khóa luận.

Trong cấu trúc trí tuệ của học sinh đầu tiểu học: tri giác thực tại có vai trò trọng tâm chi phối các chức năng nhận thức khác, đặc biệt là tư duy. Tuy nhiên trong quan hệ giữa tri giác với tư duy của các em thì tư duy còn phụ thuộc nhiều vào tri giác.

Tư duy của học sinh đầu tiểu học chủ yếu là tư duy cụ thể, khả năng tư duy lôgic của các em còn thấp. Học sinh đầu tiểu học đã bắt đầu hình thành các thao tác so sánh, đối chiếu bằng hình ảnh nhưng vẫn dễ dàng bị ấn tượng tổng thể chi phối và còn phụ thuộc nhiều vào mức độ phức tạp, nội dung và chất liệu của bài tập cần phân tích. Những bài tập phức tạp hoặc nội dung mang tính trừu tượng gây khó khăn cho việc thực hiện các thao tác phân tích và kết quả giải bài tập của học sinh.

Khả năng suy luận của học sinh phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm. Nhìn chung học sinh đã có thao tác suy luận lôgic đối với các biểu tượng cụ thể, quen thuộc. Nhưng với các biểu tượng xa lạ, trừu tượng đòi hỏi các thao tác tư duy khác nhau lại gây khó khăn cho học sinh.

Ở học sinh đầu tiểu học, khả năng thực hiện các thao tác phân tích còn yếu, chưa thường xuyên và thành thạo. Học sinh dễ vận hành và thực hiện tốt các thao tác phân tích đối với các biểu tượng cụ thể.

Động cơ học tập của học sinh đầu tiểu học còn thiếu bền vững, mức phát triển còn thấp và mang tính xã hội.

Năng lực tưởng tượng của học sinh ở giai đoạn này diễn ra chủ yếu là nhờ việc tái tạo, hình dung những hình ảnh của hiện thực hoặc nhờ vào những sơ đồ, hình vẽ....được trực tiếp tri giác.

Trí nhớ của học sinh chủ yếu là trí nhớ không chủ định. Học sinh tuy biết cách ghi nhớ có chủ định nhưng kỹ thuật này chưa được hoàn thiện. Hiệu quả ghi nhớ có chủ định còn phụ thuộc vào khả năng sử dụng những phương thức ghi nhớ và tự kiểm tra. Mặt khác sự phát triển của ghi nhớ liên quan chặt chẽ đến sự phát triển tư duy. Việc ghi nhớ các tài liệu liên quan có tính hình tượng được diễn ra dễ dàng đối với học sinh đầu tiểu học.

Hứng thú của học sinh chưa bền vững, nó còn mang tính chất nhất thời, dễ dàng thay đổi, hứng thú còn mang tính chất phân tán.

Những đặc điểm tâm lí trên có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành và phát triển các kỹ năng học tập phân môn Tập làm văn của học sinh đầu tiểu học.

1.2.6. Khái quát về phân môn Tập làm văn lớp 2

Lớp 2 là lớp đầu tiên trong nhà trường tiểu học làm quen với phân môn Tập làm văn. Nội dung dạy học tập làm văn lớp 2 được chia thành 3 phần: Dạy các nghi thức lời nói, kỹ năng làm việc và cách tổ chức đoạn bài.

1.2.6.1. Dạy các nghi thức lời nói thực chất là luyện nói lời hội thoại bao gồm:

Tự giới thiệu, chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, khẳng định, phủ định, mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị, chia buồn, an ủi, chia vui, khen ngợi, ngạc nhiên, thích thú.

Đáp lời chào, lời tự giới thiệu, đáp lời cảm ơn, đáp lời xin lỗi, đáp lời khẳng định, phủ định, đáp lời đồng ý, đáp lời chia buồn, an ủi, đáp lời chia vui, đáp lời khen ngợi.

1.2.6.2. Kỹ năng làm việc

Kỹ năng làm việc thực chất là kỹ năng viết một số văn bản thông thường và một vài kỹ năng học tập như tra mục lục sách, đọc chép thời khóa biểu, gọi điện thoại và đọc sổ liên lạc.

1.2.6.3. Cách tổ chức đoạn bài

Cách tổ chức đoạn bài là tên gọi của những bài tập làm văn có tính chất tổng hợp hai kỹ năng nói và viết. Chúng không chỉ là những bài tập sản sinh ngôn ngữ mà còn bao gồm những bài tập tiền sản sinh ngôn bản như những bài tập của phân môn Luyện từ và câu.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KỸ NĂNG HỌC TẬP PHÂN MÔN TẬP LÀM VĂN CỦA HỌC SINH LỚP 2 TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ TRẦN SÓC SƠN

Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn – huyện Sóc Sơn – Thành phố Hà Nội là một trường đạt chuẩn quốc gia, một con chim đầu đàn trong toàn huyện về chất lượng dạy và học. Chính vì thế khi thực hiện đề tài này bản thân tôi nhận thấy đây là một đề tài khó. Để thực hiện được đề tài này tôi phải khảo sát từng kỹ năng học phân môn Tập làm văn là : nói, viết trên phạm vi toàn bộ 4 lớp khối 2 gồm 158 học sinh một phạm vi tương đối rộng.

Tôi tiến hành khảo sát dựa trên :

- ✓ Thiết kế các bài tập đo.
- ✓ Dự giờ và ghi biên bản các tiết học Tập làm văn của học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn.
- ✓ Thông qua tìm hiểu các loại vở: vở Tiếng Việt của học sinh.
- ✓ Thông qua trao đổi, trò chuyện với giáo viên.

Để đánh giá được kỹ năng nói và viết khi học Tập làm văn của học sinh lớp 2 tôi dựa vào những căn cứ :

- ✓ Tốc độ nói, viết của học sinh.
- ✓ Số lỗi của học sinh khi nói, viết.
- ✓ Khả năng tái hiện văn bản nói bằng văn bản viết.

Sau đây là kết quả đo nghiệm và đánh giá nhận xét về kỹ năng nói - viết khi học tập phân môn Tập làm văn của học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn - Huyện Sóc Sơn - Thành phố Hà Nội.

2.1.Thực trạng kỹ năng nói

- Kỹ năng nói được tôi tiến hành khảo sát trên toàn bộ 4 lớp khối 2 là 2A, 2B, 2C, 2D Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn.

- Đối với học sinh lớp 2 chủ yếu học sinh sử dụng kỹ năng nói trong hội thoại và nói thành bài.

- Để đánh giá về kỹ năng nói tôi tiến hành như sau :

Cho học sinh chơi trò chơi về Tập làm văn

Tên trò chơi : Chọn lời cho đúng

Chuẩn bị:

- 04 tranh ảnh (hoặc hình vẽ) minh họa 4 tình huống khác nhau có xuất hiện lời cảm ơn và lời đáp lại lời cảm ơn:

- + Bạn gái xách một vật nặng, một bạn trai tới để xách giúp.
- + Bạn trai chơi chạy đuổi bị vấp ngã, được một bạn khác đỡ dậy.
- + Trong giờ học vẽ, bạn gái cho bạn trai mượn chiếc bút chì.
- + Bạn trai nhường bạn gái xuống cầu thang khi tan học.

- 4 nhóm học sinh chơi đóng vai lần lượt từ tình huống thứ nhất đến tình huống thứ tư theo cách đã hướng dẫn. Khi 2 học sinh trong nhóm chơi xong ở tình huống thứ nhất thì nhóm cử tiếp 2 học sinh khác chơi ở tình huống tiếp theo. Tiếp tục cử người chơi như vậy ở 4 tình huống.

- 2 học sinh giúp việc trọng tài ghi lại câu nói của 2 bạn tham gia chơi ở từng tình huống, mỗi học sinh giúp việc cho trọng tài chỉ chuyên ghi lại lời nói của một vai (vai cảm ơn hoặc vai đáp lại lời cảm ơn).

- Sau mỗi tình huống, trọng tài ghi điểm cho từng nhóm lên bảng lớp. Khi các nhóm đã chơi đóng vai ở tất cả các tình huống thì trọng tài cộng điểm và công bố nhóm có điểm cao nhất để khen thưởng.

Một số mức độ đánh giá :

- Mức giỏi (M1) : Học sinh giải quyết được cả 4 tình huống.
- Mức khá (M2) : Học sinh giải quyết được 3 tình huống.
- Mức trung bình (M3) : Học sinh giải quyết được 2 tình huống.
- Mức kém (M4) : Học sinh giải quyết được 1 tình huống.

Kết quả thu được trên đối tượng là 158 học sinh như sau :

BẢNG 1 : BẢNG ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NÓI

Lớp	M1		M2		M3		M4	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
2A (39 HS)	29	74,35	6	15,38	4	13,79	0	0
2B (40 HS)	31	77,5	6	15	3	7,5	0	0
2C (40 HS)	28	70	7	17,5	5	12,5	0	0
2D (39 HS)	32	82,05	5	12,82	2	5,12	0	0

Từ kết quả trên bảng thống kê tôi thấy đây là một kết quả tương đối cao. Do mang đặc thù là học sinh thị trấn nên các em có khả năng nói và thể hiện rất tốt tình huống. Phần lớn các em đều biết cách nói theo từng nhân vật, và không có học sinh nào không đóng vai được.

Ví dụ:

+ Nhóm 1: gồm hai bạn Nguyễn Việt Linh và Phạm Khánh Giang đóng vai theo tình huống 1 là: Bạn gái xách một vật nặng, một bạn trai tới để xách giúp.

Nguyễn Việt Linh (bạn trai): Để tớ xách giúp bạn nhé.

Phạm Khánh Giang (bạn gái): Tớ cảm ơn bạn nhiều nhé.

Nguyễn Việt Linh (bạn trai): Không có gì, chúng mình là bạn mà.

+ Nhóm 2 : gồm hai bạn Nguyễn Đức Anh và Vũ Linh Chi đóng vai theo tình huống 2 là: Bạn trai chơi chạy đuổi bị vấp ngã, được một bạn khác đỡ dậy.

Vũ Linh Chi (bạn gái): Bạn có sao không?

Cầm tay tớ và đứng dậy nào.

Nguyễn Đức Anh (bạn trai): Tớ không sao.

Tớ rất cảm ơn bạn.

Vũ Linh Chi (bạn gái): Chúng mình là bạn tốt mà.

Lần sau bạn nhớ cẩn thận nhé.

Là khối lớp mới bắt đầu làm quen với phân môn Tập làm văn nhưng đối với kỹ năng nói thì học sinh được đã được hình thành ngay từ khi mới bước chân vào lớp 1 thông qua bước luyện nói của giờ học văn và phần luyện nói sau bài tập đọc. Và nó là 1 trong những yếu tố giúp cho học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn có được kết quả đánh giá cao như vậy.

2.2. Thực trạng kỹ năng viết

Ở lớp 2 học sinh được học và làm bài tập về các thể loại văn bản là viết các thông báo hoặc tin tức ngắn, viết bức thư đơn giản báo việc, báo tin tức.

Để khảo sát thực trạng kỹ năng viết của học sinh tôi đã tiến hành điều tra tại một số lớp 2 của Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn - huyện Sóc Sơn - Thành phố Hà Nội.

2.2.1. Thực trạng kỹ năng hiểu đề

Để có thể viết tốt một văn bản bất kì thì bước đầu tiên là học sinh phải hiểu đề bài. Đây là kỹ năng hết sức quan trọng trong việc học tập phân môn Tập làm văn. Hiểu đề bài và tìm ý đúng là bước định hướng cho quá trình làm bài, định hướng đúng thì viết bài sẽ tốt và ngược lại.

Và để đánh giá được tình hình cụ thể về kỹ năng hiểu đề tôi tiến hành như sau:

Tôi đưa ra một số đề bài:

a. Đọc đoạn văn sau và làm bài tập :

CHIM CHÍCH BÔNG

Chích bông là một con chim bé xinh đẹp trong thế giới loài chim.

Hai chân chích bông xinh xinh bằng hai chiếc tăm. Thế mà hai cái chân tăm ấy rất nhanh nhẹn, được việc, nhảy cứ liên liên. Hai chiếc cánh nhỏ xíu. Cánh nhỏ mà xoải nhanh vun vút. Cặp mỏ chích bông tí tẹo bằng hai mảnh vỏ trấu chấp lại. Thế mà quý lắm đấy. Cặp mỏ tí hon ấy gắp sâu trên lá nhanh thoăn thoắt. Nó khéo biết moi những con sâu độc ác nằm bí mật trong những thân cây mảnh dẻ, ốm yếu.

Chích bông xinh đẹp chẳng những là bạn của trẻ em mà còn là bạn của bà con nông dân.

Theo Tô Hoài

- ✓ Tìm những câu tả hình dáng của chích bông.
- ✓ Tìm những câu tả hoạt động của chích bông.
- ✓ Viết 2, 3 câu về một loài chim em thích.

Mức độ để đánh giá :

- Mức 1 : Xác định đúng trọng tâm và yêu cầu của đề, tìm đúng những ý cần thiết để triển khai đoạn văn.
- Mức 2 : Xác định đúng trọng tâm và yêu cầu của đề, tìm được một số ý cần thiết nhưng chưa đủ để triển khai đoạn văn.
- Mức 3 : Xác định đúng trọng tâm và yêu cầu của đề, chưa tìm được những ý cần thiết để triển khai đoạn văn
- Mức 4 : Xác định không đúng yêu cầu của đề bài

Kết quả thu được trên đối tượng là 78 học sinh như sau :

BẢNG 2 : BẢNG ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG TÌM HIỂU ĐỀ VÀ TÌM Ý.

Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4	
Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
39	50	25	32,05	10	12,82	4	5,12

Qua bảng kết quả trên ta thấy số học sinh đạt ở mức 1: mức xác định đúng trọng tâm và yêu cầu của đề, tìm đúng những ý cần thiết để triển khai đoạn văn chiếm tỉ lệ ở mức trung bình 50 % , một con số không quá cao. Số học sinh đạt mức 2: mức xác định đúng trọng tâm và yêu cầu của đề, tìm được một số ý cần thiết những ý để triển khai đoạn văn chiếm 32,05 % con số cần phải được cải thiện trong thời gian tới để đạt được kết quả tốt hơn. Và số học sinh đạt mức 3 : xác định đúng trọng tâm và yêu cầu của đề, chưa tìm được những ý cần thiết để triển khai đoạn văn chiếm 12,82 %. Và vẫn còn học sinh xác định sai yêu cầu của đề ở mức 4 chiếm 5,12 %.

Kết quả trên chưa thực sự là một kết quả đáng trông đợi, nhưng đối với khối lớp đầu tiên làm quen với phân môn Tập làm văn thì đó cũng là những con số trải qua sự rèn luyện mới có được. Kỹ năng xác định yêu

cầu bài viết là kỹ năng đầu tiên, hơn nữa nó không phải là một kỹ năng dễ thực hiện cho nên việc một số em gặp khó khăn khi làm quen với kỹ năng này cũng là điều dễ hiểu.

Trên thực tế thì phần lớn các em đã hiểu được đề bài và biết tìm những ý cần thiết để triển khai đoạn văn khi viết. Khi dự giờ một số tiết Tập làm văn của giáo viên hướng dẫn cũng như các giáo viên cùng khối tôi nhận thấy hầu hết giáo viên nào cũng rất chú trọng tới kỹ năng tìm hiểu đề bài cho học sinh, họ hình thành và rèn luyện cho học sinh kỹ năng này ngay từ khi bắt đầu. Họ hướng dẫn học sinh lần lượt theo các bước :

- Muốn hiểu đề bài thì việc trước tiên là các em cần phải đọc kỹ đề bài .
- Xác định từ ngữ chính trong đề diễn đạt nội dung cần viết .
- Sau đó trả lời một số câu hỏi như :
 - + Đề bài yêu cầu viết đoạn văn có mấy câu ?
 - + Đề bài yêu cầu viết giải đáp mấy vấn đề ?
 - + Đề bài yêu cầu viết về cái gì ?

Đề bài : Đọc đoạn văn sau và làm bài tập :

CHIM CHÍCH BÔNG

Chích bông là một con chim bé xinh đẹp trong thế giới loài chim.

Hai chân chích bông xinh xinh bằng hai chiếc tăm. Thế mà hai cái chân tăm ấy rất nhanh nhẹn, được việc, nhảy cứ liên liên. Hai chiếc cánh nhỏ xíu. Cánh nhỏ mà xoải nhanh vun vút. Cặp mỏ chích bông tí tẹo bằng hai mảnh vỏ trấu chấp lại. Thế mà quý lắm đấy. Cặp mỏ tí hon ấy gắp sâu trên lá nhanh thoăn thoắt. Nó khéo biết moi những con sâu độc ác nằm bí mật trong những thân cây mảnh dẻ, ốm yếu.

Chích bông xinh đẹp chẳng những là bạn của trẻ em mà còn là bạn của bà con nông dân.

- ✓ Tìm những câu tả hình dáng của chích bông.
- ✓ Tìm những câu tả hoạt động của chích bông.
- ✓ Viết 2, 3 câu về một loài chim em thích.

Với đề bài này thì hầu hết các em đều dễ dàng hiểu được yêu cầu của đề và xác định được hướng làm bài. Đề bài yêu cầu giải quyết 3 nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ 1 và nhiệm vụ 2 học sinh dễ dàng thực hiện thông qua hình thức đọc đoạn văn và tìm câu.

+ Những câu tả hình dáng của chích bông:

+ Những câu tả hoạt động của chích bông:

- Nhiệm vụ 3:

+ Đề bài yêu cầu viết khoảng 2, 3 câu.

+ Đề bài yêu cầu viết về một loài chim em thích.

Có kỹ năng hiểu đề tốt, nhưng khi bắt đầu đi vào tìm ý cho đoạn văn các em vẫn có một chút lúng túng, hạn chế. Vì là học sinh khối lớp nhỏ nên việc tìm ý và sắp xếp chúng để có được một đoạn văn hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung là việc không dễ dàng gì. Phần lớn các em đều chỉ viết theo sở thích, hứng thú, nghĩ gì thì viết đó và đếm cho đủ số câu mà đề bài yêu cầu.

Việc tìm ý cho bài viết yêu cầu học sinh phải có sự khái quát cao, biết tưởng tượng, biết quan sát bằng nhiều giác quan như : mắt, mũi, tai.....để giúp cho bài viết thêm sinh động và phong phú.

Ví dụ : Với nhiệm vụ : viết 2, 3 câu về một loài chim em thích.

Khi vận dụng kỹ năng tìm ý học sinh cần thực hiện được theo yêu cầu sau:

- Nêu được con vật em định kể là con vật gì ?
- Nó sống ở đâu ?
- Hình dáng nó như thế nào ?
- Hoạt động của nó có gì nổi bật ?

- Vì sao em thích con vật đó ?

Ví dụ cụ thể :

Câu mở đầu Giới thiệu về chim sáo	Trong thế giới loài chim , em thích nhất là chim sáo.
Câu phát triển Kể về chim sáo	Mỏ nó vàng. Lông màu nâu sẫm. Nó hót suốt ngày. Đôi khi còn nói được cả tiếng người.
Câu kết thúc Tình cảm của em đối với loài chim này.	Em thích nhất chim sáo vì chúng là những con vật hiền lành, dễ thương.

Trong dạy học, muốn hình thành và rèn luyện cho học sinh kỹ năng tìm ý thì trước tiên giáo viên phải dạy cho các em kỹ năng quan sát, quan sát bằng nhiều giác quan, quan sát tốt thì việc tìm ý sẽ dễ thực hiện và trở nên gần gũi hơn không khiến học sinh trở nên lúng túng mỗi khi làm bài tập. Đôi khi những ý các em tìm được chưa thực sự hoàn chỉnh, vẫn còn thể hiện rõ sự ngây ngô, hồn nhiên. Khi đó, giáo viên không nên áp đặt các em phải tìm ý theo hướng này hay hướng khác mà nên khuyến khích các em phát triển sự non nớt, ngây thơ đúng với lứa tuổi của mình.

2.2.2. Thực trạng kỹ năng lập dàn ý

Nối tiếp kỹ năng tìm hiểu đề là kỹ năng lập dàn ý, đây cũng là một kỹ năng khá quan trọng trong quá trình học tập phân môn Tập làm văn. Bởi nó giúp học sinh xác định được những ý chính, cần thiết để triển khai thành một bài viết hoàn chỉnh đối với học sinh lớp lớn, và một đoạn viết hoàn chỉnh đối với đối tượng mà tôi nghiên cứu là học sinh lớp 2.

Vậy dàn ý là gì ? Và lập dàn ý là gì ? Trước tiên chúng ta đi bàn tới khái niệm của nó.

- Dàn ý là hệ thống ý được sắp xếp theo một trật tự nhất định.
- Lập dàn ý là cách sắp xếp các nội dung chủ yếu của bài viết theo một chiến lược giao tiếp nhất định. Đó là cách tổ chức các ý lớn, ý nhỏ của bài văn sao cho không chỉ bộc lộ nội dung mà còn có ý nghĩa tích cực đối với người đọc, giúp họ nhận thức được bài viết một cách dễ dàng, tác động đến tư tưởng, tình cảm, hành động theo ý mà mình mong muốn.

Đối với học sinh lớp 4, 5 trước khi viết bài các em luôn có tiết học để xây dựng dàn ý theo hai loại là dàn ý đại cương và dàn ý chi tiết. Sau đó, các em sẽ dùng khả năng diễn đạt của mình dựa vào dàn ý viết thành một bài văn hoàn chỉnh.

Nhưng đối với học sinh lớp 2 kỹ năng này được hình thành và rèn luyện chủ yếu dựa trên sự hướng dẫn khá chi tiết, theo sát cụ thể của giáo viên. Giáo viên sẽ là người đưa ra các câu hỏi gợi ý trong quá trình lập dàn ý cho học sinh trả lời. Học sinh có nhiệm vụ trả lời đầy đủ các câu hỏi hướng dẫn mà giáo viên đưa ra tạo thành một dàn ý chi tiết để viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh.

Để đánh giá thực trạng kỹ năng lập dàn ý của học sinh lớp 2 tôi tiến hành điều tra trên một lớp, yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ sau :

- Hãy viết một đoạn văn từ 3 đến 5 câu nói về mùa hè.

Câu hỏi gợi ý :

- Mùa hè bắt đầu từ tháng nào trong năm ?
- Mặt trời mùa hè như thế nào ?
- Cây trái trong vườn như thế nào ?
- Học sinh thường làm gì vào dịp nghỉ hè ?

Và để đánh giá, xếp loại câu trả lời của học sinh tôi đưa ra một số mức độ đánh giá sau :

- Mức giỏi (M1): Học sinh trả lời được 4 câu hỏi.

- Mức khá (2): Học sinh trả lời được 3 câu hỏi.
- Mức trung bình (M3): Học sinh trả lời được 2 câu hỏi.
- Mức kém (M4) : Học sinh trả lời được 1 câu hỏi.

Kết quả về kỹ năng lập dàn ý của học sinh thu được trên đối tượng là 39 học sinh, được xếp loại vào bảng sau :

BẢNG 3 : KỸ NĂNG LẬP DÀN Ý

Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4	
SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL (%)
27	69,23	7	17,94	5	12,8	0	0

Dựa vào bảng kết quả trên ta thấy số học sinh đạt mức giỏi, trả lời được tất cả các câu hỏi gợi ý của giáo viên chiếm tỉ lệ tương đối cao 69,23 %. Số học sinh đạt mức khá chiếm 17,94 %. Và số học sinh đạt mức trung bình chiếm 12,8 % , không có học sinh đạt mức kém.

Trong quá trình điều tra tôi nhận thấy mặc dù số lượng học sinh điều tra ở 2 bảng kết quả không giống nhau nhưng số học sinh đạt mức 1 trong bảng kỹ năng tìm hiểu đề tiếp tục đạt mức 1 trong bảng kỹ năng lập dàn ý. Các mức còn lại có sự chênh lệch cũng không đáng kể. Điều này thể hiện sự đồng nhất, hỗ trợ lẫn nhau giữa hai kỹ năng học này.

Ngoài ra trong quá trình điều tra, tôi phát hiện ra một thực tế đó là rất nhiều học sinh phần lớn không hiểu “ Lập dàn ý là gì ?” . Khi khảo sát về kỹ năng này, đã có số đông học sinh đặt câu hỏi cho tôi rằng :“ Thừa cô, lập dàn ý là thế nào ạ?”. Có lẽ đây là khó khăn chung đối với học sinh khối lớp 2 nói riêng, và học sinh tiểu học nói chung. Trong thực tiễn các em thường mắc phải những lỗi cơ bản khi thực hành viết đoạn như: thừa ý, thiếu ý, lặp ý...Chính vì vậy mà giáo viên cần chú ý rèn kỹ năng lập dàn ý cho học sinh. Với học sinh lớp 2 đơn giản hơn chỉ là việc thực hiện nhiệm vụ trả lời những

câu hỏi gợi ý mà giáo viên đưa ra, sau đó sắp xếp chúng thành một đoạn văn hoàn chỉnh. Chính vì vậy mà thuật ngữ “dàn ý”, hay “lập dàn ý” chưa được nhắc tới nhiều trong các tiết Tập làm văn do đó các em chưa có được khái niệm rõ ràng về nó. Khi lên những lớp lớn hơn thuật ngữ này sẽ được giới thiệu một cách cụ thể.

Từ thực tế tôi nhận thấy có khá nhiều học sinh hứng thú với các câu hỏi gợi ý của giáo viên trước khi viết bài. Nhưng phần lớn các em chưa biết cách sắp xếp những ý tìm được từ câu hỏi gợi ý, để ghép lại tạo thành một đoạn văn đầy đủ, mà chỉ biết ghép chúng lại với nhau cho đủ số lượng câu mà đề bài yêu cầu. Chính vì vậy, bên cạnh việc hình thành và rèn luyện kỹ năng lập dàn ý người giáo viên nên chú ý tới kỹ năng sắp xếp của học sinh.

2.2.3. Thực trạng kỹ năng diễn đạt

Kỹ năng diễn đạt hay chính là kỹ năng viết đoạn tập làm văn dành cho học sinh lớp 2 là kỹ năng cuối cùng để hoàn thiện sản phẩm. Kỹ năng viết ở đây không đơn giản là viết đúng cỡ chữ, mẫu chữ, không đơn giản chỉ là viết đúng chính tả, biết đặt dấu câu đúng vị trí mà nó còn là kỹ năng sắp xếp, liên kết các ý tìm được từ việc lập dàn ý làm cho câu văn tạo được sự liên mạch, thống nhất với nhau.

Nhiệm vụ của học sinh lớp 2 trong phân môn Tập làm văn là học sinh chỉ thực hiện việc viết những đoạn văn ngắn từ 3 đến 5 câu với nhiều yêu cầu khác nhau. Nghe tưởng chừng là đơn giản, nhưng để có thể có được kỹ năng viết bài văn tốt ở các lớp lớn hơn thì việc đầu tiên là học sinh phải học được cách viết tốt một đoạn văn, đặc biệt là một đoạn văn ngắn. Không phải cứ bài dài, nội dung nhiều mới thể hiện được kỹ năng viết tốt mà nó biểu hiện ở sự chặt chẽ, hợp lý về nội dung cũng như hình thức của bài viết.

Và để khảo sát thực trạng kỹ năng viết đoạn tập làm văn của học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn tôi đưa ra nhiệm vụ sau:

a. Hãy viết từ 3 đến 5 câu nói về em bé của em (hoặc em bé của nhà hàng xóm)

Gợi ý :

- Bé mấy tuổi ?
- Hình dáng (đôi mắt, khuôn mặt, mái tóc, dáng đi,) của bé như thế nào?

- Tính tình của bé có gì đáng yêu ?

b. Dựa vào những câu gợi ý sau,viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 , 5 câu) nói về một loài cây mà em thích

- Đó là cây gì, trồng ở đâu ?
- Hình dáng cây như thế nào ?
- Cây có ích lợi gì ?

Các mức độ đánh giá :

- + Loại giỏi: 9 – 10 điểm
- + Loại khá: 7 – 8 điểm
- + Loại trung bình: 5 – 6 điểm
- + Loại yếu: dưới 4 điểm

Kết quả thu được trên đối tượng là 158 học sinh như sau :

BẢNG 4 : KỸ NĂNG DIỄN ĐẠT

Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL (%)
19	12,02	103	65,18	29	18,35	7	4,43

Từ kết quả đánh giá trên chúng ta có thể thấy kết quả này phản ánh thực chất kỹ năng diễn đạt của học sinh khối 2 Trường Tiểu học Thị trấn

Sóc Sơn. Và nó có sự chênh lệch rõ rệt giữa các mức độ. Tỷ lệ học sinh đạt loại giỏi chiếm 12,02 %, trong khi đó tỷ lệ học sinh đạt loại khá lên tới 65,18 %. Số học sinh đạt loại trung bình chiếm 18,35 %, vẫn có học sinh đạt loại yếu chiếm 4,43 %.

Thực tế điều tra cho thấy có những học sinh giải quyết rất tốt yêu cầu của đề bài, hiểu đề tốt, lập dàn ý tốt, và diễn đạt tốt, nhưng cũng có những học sinh viết đoạn yếu. Xét tới nguyên nhân thì có khá nhiều có thể do những học sinh đó chưa hiểu đề, hoặc là chưa biết diễn đạt ý, sắp xếp câu lung củng không ăn nhập với nhau....Đặc biệt là có những học sinh chỉ viết với mục đích là viết cho xong, viết cho đủ số câu mà đề bài yêu cầu mà không có sự liên kết giữa các câu với nhau, không có câu mở cũng như câu kết cho đoạn. Một nguyên nhân khác là học sinh lớp 2 là lứa tuổi chưa có sự phong phú đa dạng về ngôn ngữ, còn mang nhiều nét hạn chế nên nhiều khi học sinh không biết phải dùng từ như thế nào để có thể diễn đạt ý mình muốn viết. Hơn nữa thời gian làm bài không nhiều, mà tốc độ viết của học sinh lớp 2 còn chậm, giáo viên không có điều kiện để sửa sai thường xuyên trong các giờ Tập làm văn cho tất cả học sinh trong một lớp.

Để hiểu rõ hơn về những hạn chế của học sinh khi viết tôi tiến hành thêm một bước điều tra nữa đối với những học sinh đạt mức trung bình và yếu của kết quả đánh giá lần một. Tôi đưa ra nhiệm vụ cụ thể như sau :

Viết một đoạn văn ngắn từ 3 đến 5 câu tả con mèo.

Các mức đánh giá đo nghiệm :

- + Mức 1 : Viết đủ số câu đề bài yêu cầu, các câu trong đoạn đúng nghĩa, dùng dấu câu đúng.
- + Mức 2 : Viết đủ số câu đề bài yêu cầu, nhiều câu trong đoạn không rõ nghĩa, dùng dấu câu chưa đúng ở tất cả các câu.

+ Mức 3 : Viết đủ số câu đề bài yêu cầu, nhiều câu trong đoạn sai nghĩa, câu dùng sai dấu.

+ Mức 4 : Viết không đủ số câu đề bài yêu cầu.

Kết quả thu được trên đối tượng là 36 học sinh như sau :

BẢNG 5 : KỸ NĂNG VIẾT

Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4	
SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
20	55,55	10	27,77	4	11,11	2	5,55

Đây là bảng đánh giá ghi lại kết quả xếp loại của 36 học sinh đạt mức trung bình và yếu. Từ quá trình điều tra lần 2 tôi phát hiện ra một số lỗi mà học sinh lớp 2 còn hay mắc phải khi viết câu như sau :

c. Câu thiếu chủ ngữ và vị ngữ

Trên thực tế học sinh lớp 2 chưa được làm quen với khái niệm chủ - vị. Nhưng trong chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 2 các em đã được học các loại mẫu câu “Ai” và học cách đặt câu theo mẫu. Vì vậy đối tượng được nói đến trong câu đã được tái hiện rất rõ ràng. Số lượng học sinh mắc phải lỗi này rất ít chỉ là một vài học sinh, nhưng đó cũng là một vấn đề mà chúng ta cần phải tìm hiểu và khắc phục.

Ví dụ : Một con mèo.

(Lê Nguyễn Tùng Dương – 2D)

Với kiểu mắc lỗi như trên trong quá trình làm việc tại lớp tôi đã hướng dẫn học sinh sửa lỗi bằng cách đặt các câu hỏi “Ai”, “cái gì” trước khi viết một câu. Khi mà học sinh trả lời được các câu hỏi đã đặt có nghĩa là học sinh

đã tìm được chủ ngữ cho câu văn cần viết. Với câu thiếu vị ngữ tôi cũng tiến hành tương tự như vậy.

Có thể sửa ví dụ trên như sau :

Nhà em có một con mèo rất đẹp.

a. Câu không rõ nghĩa

Đây là loại câu thiếu thông tin, ý nghĩa chưa trọn vẹn gây hụt hẫng cho người đọc.

Ví dụ : Trước tiên lông nó màu nhạt ấy.

(Nguyễn Quang Khải – 2D)

Với những lỗi sai như thế này, và số lượng học sinh mắc lỗi không nhiều tôi hướng dẫn học sinh một cách cụ thể ở từng câu. Tôi hướng dẫn học sinh phải thêm từ gì, bớt từ gì để nghĩa của câu trở nên rõ ràng hơn.

Trong ví dụ trên sửa như sau :

Bộ lông của nó có màu nâu nhạt.

b. Câu sai nghĩa

Loại lỗi này chiếm số lượng nhỏ.

Nguyên nhân có thể là do học sinh thiếu kiến thức thực tế, trả lời các câu hỏi từ kỹ năng lập dàn ý chưa được tốt, hoặc có thể do học sinh chủ quan chưa chú ý khi viết câu. Số lượng học sinh mắc phải ít.

Ví dụ : Con mèo được mua về từ tháng 3 ba tháng.

(Lê Như Quỳnh – 2D)

Với những lỗi như này việc hướng dẫn học sinh sửa lỗi không khó, chỉ cần tỉ mỉ hướng dẫn học sinh một cách cụ thể để học sinh viết lại sao cho phù hợp.

Ví dụ : Con mèo được mua về từ tháng 3 năm ngoái.

c. Câu dùng sai dấu

Ví dụ : Con mèo giống tính trẻ em rất thích, nô đùa.

(Nguyễn Ngọc Như Ý – 2D)

Có thể sửa sai cho học sinh như sau :

Con mèo giống tính trẻ em, rất thích nô đùa.

Khi phát hiện có những học sinh dùng sai dấu câu tôi đã thực hiện một cuộc khảo sát bằng cách tôi đã phát 158 phiếu cho toàn bộ 4 lớp trong khối 2 ghi sẵn đoạn văn chưa đánh dấu câu và yêu cầu học sinh đánh dấu sao cho hợp lý.

PHIẾU HỌC TẬP

Họ và tên :

Lớp :

Bài tập: Điền dấu chấm hay dấu phẩy vào ô trống ?

Chiều qua ☐ Lan nhận được thư bố ☐ Trong thư, bố dặn dò hai chị em Lan rất nhiều điều. Nhưng Lan nhớ nhất lời bố dặn riêng em ở cuối thư: “Con nhớ chăm bón cây cam ở đầu vườn để khi bố về ☐ bố con mình có cam ngọt ăn nhé !”

Dựa vào phiếu học tập trên tôi vừa kiểm tra được thực trạng dùng sai dấu câu của học sinh, vừa dựa vào đó hướng dẫn học sinh cách sử dụng dấu câu cho phù hợp.

Nói tóm lại học sinh muốn viết được một đoạn văn, cũng như một bài văn tốt thì phải có đầy đủ các yếu tố bao gồm kiến thức và kỹ năng. Học sinh có kiến thức nhưng lại không có kỹ năng thì không thể viết một đoạn văn hay được và ngược lại. Hai yếu tố này có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau.

2.3. *Phân tích một số biên bản dự giờ và các phương pháp dạy học Tập làm văn của giáo viên Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn*

Trong quá trình thực tập tại Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn tôi đã ghi lại được một số biên bản dự giờ, cũng như tìm hiểu được một số phương pháp dạy học phân môn Tập làm văn của giáo viên.

Tập làm văn là một phân môn nằm trong môn Tiếng Việt được dạy ở trường tiểu học. Chương trình môn Tiếng Việt hiện nay có rất nhiều ưu điểm và những ưu điểm đó được thể hiện khá rõ qua phân môn Tập làm văn. Ngoài việc cung cấp kiến thức mới phân môn Tập làm văn còn giúp học sinh mở rộng vốn sống, rèn luyện tư duy, bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách. Nội dung các bài tập làm văn được sắp xếp gắn liền với các bài trong chủ điểm nhằm giúp trẻ mở rộng hiểu biết về cuộc sống theo chủ điểm đã được học, phát triển nhiều kỹ năng và tăng khả năng cho học sinh như khả năng quan sát, trí tưởng tượng....

Ngoài những ưu điểm thì bên cạnh đó phân môn Tập làm văn còn tồn tại một số hạn chế như: nội dung mỗi tiết dạy khá nặng khiến cho cả giáo viên và học sinh gặp nhiều khó khăn trong quá trình dạy và học. Giáo viên phải cố gắng tìm nhiều phương pháp để có thể truyền tải hết nội dung của bài học cho học sinh mà không khiến học sinh bị nhàm chán, máy móc. Đối với học sinh đặc biệt là những học sinh lớp nhỏ thì việc tiếp nhận hết kiến thức nội dung có trong tiết học cũng là một vấn đề khó.

Ví dụ : Tuần 24 – lớp 2 bài “ Đáp lời phủ định. Nghe - trả lời câu hỏi”.

Bài tập 1 : Đọc lời các nhân vật trong tranh dưới đây :

- Cô cho cháu gặp bạn Hoa ạ.
- Ở đây không có ai tên là Hoa đâu, cháu à.
- Thế ạ ? Cháu xin lỗi cô.

Bài tập 2 : Nói lời đáp của em :

a) Cô làm ơn chỉ giúp cháu nhà bác Hạnh ở đâu ạ.

- Rất tiếc, cô không biết, vì cô không phải người ở đây.

-.....

b) *Bố ơi, bố có mua được sách cho con không ?*

- Bố chưa mua được đâu.

-.....

c) *Mẹ có đỡ mệt không ạ ?*

-Mẹ chưa đỡ mấy.

-.....

Bài tập 3 : Nghe kể chuyện và trả lời câu hỏi.

(Giáo viên kể cho học sinh nghe câu chuyện Vì sao ?)

a) Lần đầu về quê chơi, cô bé thấy thế nào ?

b) Cô bé hỏi cậu anh họ điều gì ?

c) Cậu bé giải thích vì sao bò không có sừng ?

d) Thực ra con vật mà cô bé nhìn thấy là con gì ?

Và trong hầu hết các tiết Tập làm văn khác số lượng yêu cầu cũng tương tự như vậy. Với những yêu cầu trên thì cả giáo viên và học sinh phải làm việc với tốc độ nhanh chóng mới có thể giải quyết được hết các nhiệm vụ. Chính vì thế mà giáo viên không thể nhận xét bài làm cho số đông học sinh, với các bài thực hành nói lời đáp thì sẽ không đủ thời gian cho học sinh cả lớp cùng được thực hiện. Đây cũng chính là lí do khiến cho kỹ năng nói và kỹ năng viết của học sinh còn hạn chế.

Qua thực tế dự giờ một số tiết dạy Tập làm văn, và qua trò chuyện trao đổi ý kiến với giáo viên bản thân tôi nhận thấy để có được một giờ dạy Tập làm văn thành công không phải là điều dễ dàng. Nhiều giáo viên cho rằng: sau mỗi tiết Tập làm văn đôi khi cả giáo viên và học sinh đều cảm thấy chưa thỏa mãn với kết quả của tiết học. Phần lớn các giáo viên đều cố gắng giải quyết hết những yêu cầu mà sách giáo khoa đưa ra nên sẽ có những tiết học không

đủ thời gian. Điều đó ít nhiều ảnh hưởng đến việc hình thành và rèn luyện kỹ năng cho học sinh.

Về phía học sinh qua những lần dự giờ tôi thấy trong giờ thì các em rất chú ý học tập, chăm chú nghe giảng. Nhưng khi trò chuyện cùng các em tôi có đặt một câu hỏi “ Các con có thích học Tập làm văn hay không ?” thì đến 70% học sinh trả lời là “Con thấy bình thường”. Có thể do Tập làm văn là một phân môn khó nên chưa tạo được hứng thú cho học sinh.

Tại Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn khi dạy Tập làm văn các giáo viên đã biết sử dụng kết hợp nhiều phương pháp dạy học nhằm tạo ra sự mới mẻ, gợi hứng thú học tập cho học sinh. Ví dụ như trong những tiết dạy mà tôi dự giờ giáo viên đã sử dụng những phương pháp như : phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp trò chơi (ở đây sử dụng nhiều nhất là hình thức đóng vai theo tình huống), phương pháp quan sát, phương pháp đàm thoại....Sở dĩ phải vận dụng như vậy vì tính bền của học sinh tiểu học rất thấp, các em rất nhanh chán nếu không thay đổi các phương pháp thì các em sẽ dễ mất tập trung không chú ý vào bài học.

Ngoài ra thì các giáo viên đã triệt để sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin để có thể mang tới cho học sinh nhiều hình ảnh liên quan tới bài học, đặc biệt là những hình ảnh gần gũi với cuộc sống thường ngày.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên việc sử dụng các phương pháp dạy học của giáo viên còn có một số hạn chế như sau:

. Các phương pháp dạy học được sử dụng lặp lại trong nhiều các tiết học. Dù là những phương pháp có tính hiệu quả cao nhưng việc sử dụng lặp liên tục như vậy sẽ tạo cho học sinh sự máy móc. Tiết Tập làm văn này tiến hành như vậy, và tiết Tập làm văn sau cũng tiến hành như thế chỉ tạo được sự hứng thú mới mẻ cho học sinh ở những tiết học đầu, càng về những tiết học sau hiệu quả càng giảm dần.

CHƯƠNG 3

THỬ NGHIỆM BIỆN PHÁP NHẪM NÂNG CAO KỸ NĂNG HỌC TẬP PHÂN MÔN TẬP LÀM VĂN CHO HỌC SINH LỚP 2 TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ TRẦN SÓC SƠN

3.1. Mục tiêu thử nghiệm

Trong thời gian thực tập tại Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn tôi đã sử dụng một số biện pháp thử nghiệm tác động vào học sinh lớp 2D với mục tiêu góp phần nâng cao một số kỹ năng học tập phân môn Tập làm văn mà trọng tâm là hai kỹ năng nói và viết.

3.2. Biện pháp tiến hành

Chương trình thử nghiệm được thực hiện qua hai tiết dạy Tập làm văn ở khối lớp 2 Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn (bao gồm một tiết dạy kỹ năng nói, và một tiết dạy kỹ năng viết.)

Tôi tiến hành theo hai bước:

- Bước 1: Chưa tác động (áp dụng cho lớp đối chứng 2A gồm 39 học sinh).
- Bước 2: Áp dụng một số biện pháp tác động cụ thể (đối với lớp thử nghiệm 2D gồm 39 học sinh).

3.2.1. Kỹ năng nói (kể chuyện)

Để điều tra kỹ năng nói của học sinh lớp đối chứng và lớp thử nghiệm trong phân môn Tập làm văn tôi tiến hành như sau:

* Bước 1: Dừng cho lớp đối chứng (2A-39 học sinh)

- Yêu cầu học sinh giải quyết bài tập số 2 của tiết Tập làm văn: Chia vui. Kể về anh, chị, em.

- Học sinh giải quyết bài tập nói.
- Giáo viên chấm bài nói của học sinh theo thang điểm 10, xử lý số liệu ra % và lập bảng so sánh.
- * Bước 2 : Dùng cho lớp thử nghiệm (2D-39 học sinh)
- Gọi học sinh đọc yêu cầu của bài.
- Hỏi học sinh: Nếu là em, em sẽ nói gì với chị Liên để chúc mừng chị?
- Tổ chức cho học sinh thực hành sắm vai theo cặp.
- Giáo viên chấm bài nói của học sinh theo thang điểm 10, xử lý số liệu ra % và lập bảng so sánh.

3.2.2. Kỹ năng viết

Để điều tra kỹ năng viết của học sinh lớp đối chứng và lớp thử nghiệm trong phân môn Tập làm văn tôi tiến hành như sau:

* Bước 1: Dùng cho lớp đối chứng (2A-39 học sinh)

- Học sinh thực hiện bài tập 3 của tiết Tập làm văn: Chia vui. Kể về anh, chị, em.

Bài tập 3: Hãy viết 3 đến 4 câu kể về anh, chị, em ruột (hoặc anh, chị, em họ) của em.

- Học sinh tự làm bài trong thời gian 10 phút.
- Giáo viên chấm bài viết của học sinh theo thang điểm 10, xử lý số liệu ra % và lập bảng so sánh.

* Bước 2 : Dùng cho lớp thử nghiệm (2D-39 học sinh)

- Gọi học sinh đọc yêu cầu của bài tập.
- Hỏi học sinh: Anh, chị, em trong gia đình phải có tình cảm như thế nào?
- Cho học sinh xem đoạn văn mẫu.
- Yêu cầu học sinh tự làm bài trong thời gian 10 phút.

- Giáo viên chấm bài viết của học sinh theo thang điểm 10, xử lý số liệu ra % và lập bảng so sánh.

3.3. Kết quả thử nghiệm về kỹ năng nói và kỹ năng viết

BẢNG 6 : KỸ NĂNG NÓI CỦA HỌC SINH

Kết quả \ Mẫu	Bài nói			
	Lớp thử nghiệm		Lớp đối chứng	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
9-10	10	25,64	5	12,82
7-8	19	48,71	14	35,89
5-6	8	20,51	15	38,46
Dưới 5	2	5,12	5	12,82

Từ kết quả thử nghiệm trên tôi thấy: kỹ năng nói của hai lớp 2A và 2D đã có sự chênh lệch. Trong thực tế hai lớp 2A và 2D có chất lượng học tập tương đối đồng đều nhưng sau một thời gian tác động vào lớp 2D bằng những biện pháp thử nghiệm thì số học sinh đạt điểm 9-10 của lớp 2D đã có sự tiến bộ với 25,64%, nổi trội hơn hẳn lớp 2D là 12,82%. Số học sinh đạt điểm 7-8 cũng vậy lớp 2D là 48,71%, lớp 2A là 35,89%. Số lượng học sinh đạt mức điểm 5-6 và dưới trung bình của lớp 2D cũng thấp hơn hẳn lớp 2A. Cụ thể là : tỉ lệ học sinh đạt điểm trung bình lớp 2D là 20,51%, dưới trung bình là 5,12%. Trong khi đó ở lớp 2A là 38,46% và 12,82%.

Để có được kết quả như trên ở lớp thử nghiệm là do trong quá trình dạy học tôi đã đưa vào một số cái mới như:

- Đưa ra một số câu hỏi để học sinh định hình dễ dàng hơn việc phải nói như thế nào?

- Cho học sinh nói trước lớp những gì mình định nói, giáo viên sửa lỗi cho học sinh ngay.

- Sau đó tổ chức cho học sinh thực hành sắm vai để học sinh có thể luyện tập kỹ năng nói theo vai.

BẢNG 7 : KỸ NĂNG VIẾT CỦA HỌC SINH.

Mẫu Kết quả	Viết đoạn văn			
	Lớp thử nghiệm		Lớp đối chứng	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
9-10	6	15,38	3	7,69
7-8	24	61,53	17	43,58
5-6	6	15,38	15	38,46
Dưới 5	3	7,69	4	10,25

Nhìn vào bảng số liệu trên chúng ta thấy: khi viết đoạn văn tỉ lệ học sinh đạt điểm 9-10 ở lớp 2D là 15,38% và lớp 2A là 7,69%. Tỉ lệ đạt mức điểm 7-8 ở lớp 2D là 61,53% và lớp 2A là 43,58. Tỉ lệ học sinh đạt mức điểm 5-6 và dưới trung bình của lớp 2D là 15,385 và 7,69%. Trong khi đó tỉ lệ của lớp 2A là 38,46% và 10,25%.

Trong quá trình dạy thử nghiệm tôi đã mạnh dạn sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, chủ động đưa ra các câu hỏi gợi mở gần với thực tế cuộc sống nằm ngoài sách giáo khoa cho học sinh. Chủ động cho học sinh liên hệ thực tế, xem một số bài văn mẫu để học sinh có được những thuận lợi khi viết.

3.4. Đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao kỹ năng học tập phân môn Tập làm văn cho học sinh lớp 2

Người giáo viên có vai trò rất quan trọng và ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với học sinh vì họ là những người chủ đạo tổ chức hoạt động học tập và các dạng hoạt động khác của học sinh. Xuất phát từ vai trò của người giáo viên chúng tôi đề ra một số biện pháp như sau:

3.4.1. Tăng cường hướng dẫn học sinh học và tích lũy vốn kiến thức văn qua các phân môn Tiếng Việt khác

a. Hướng dẫn học văn từ phân môn Tập đọc

Phân môn Tập đọc bao gồm những đoạn văn, bài văn hay phù hợp với lứa tuổi học sinh. Những đoạn văn, bài văn của phân môn Tập đọc thực tế như là những bài văn mẫu để học sinh đọc, sau đó học tập cách viết, cách kể....

Thực tế học sinh muốn nói tốt, viết văn hay thì việc trước tiên là phải đọc thật tốt. Đọc tốt để học sinh có thể tìm được các chi tiết hay, hình ảnh đẹp, tìm được những từ ngữ gợi hình, gợi cảm, với bài kể chuyện thì có thể bộc lộ tư tưởng, cảm xúc của bài đọc. Khi đó các em sẽ được cung cấp một vốn từ ngữ mới để hiểu và vận dụng khi viết tập làm văn.

Khi dạy tập đọc người giáo viên cần lưu ý liên hệ với các kiểu bài tập làm văn để học sinh nhận biết và sử dụng.

b. Dạy cách dùng từ, đặt câu qua phân môn Luyện từ và câu

Cuốn Phương pháp dạy học Tiếng Việt cho rằng: “Không có một vốn từ đầy đủ thì không thể nắm ngôn ngữ như một công cụ giao tiếp.”

Phân môn Luyện từ và câu là phân môn cung cấp cho học sinh, giúp học sinh hình thành vốn từ vựng của mình. Mà muốn nói tốt, viết tốt học sinh cần phải có một vốn từ vựng phong phú, hiểu được nghĩa của từ.

Điều đặc biệt là khi viết văn học sinh cần phải nắm được các quy tắc ngữ pháp khi viết, cách dùng dấu câu, và sử dụng các kiểu câu sao cho hợp lý. Vì vậy trong tiết Luyện từ và câu giáo viên cần phải kết hợp giữa khái niệm và thực hành, đưa ra tác dụng của bài học đối với tập làm văn.

c. Dạy học sinh cách viết đoạn và liên kết các câu trong đoạn

Học sinh lớp 2 khi học Tập làm văn mới chỉ làm quen với cách viết một đoạn văn ngắn, đơn giản. Thoạt nghe có thể tưởng chừng là dễ nhưng muốn viết được một bài văn hay thì trước tiên các em cần phải viết được đoạn văn đúng, sau đó mới liên kết các đoạn lại tạo thành một bài. Vì vậy dạy học sinh cách viết đoạn chính là nền tảng để học sinh viết bài văn thật tốt ở các lớp lớn hơn.

Trong quá trình dạy học người giáo viên cần dạy cho học sinh cách thức trình bày một đoạn văn, đồng thời rèn cho các em ghi nhớ các bước khi viết một đoạn văn như sau:

- Xác định vị trí, nội dung và chọn mô hình đoạn.
- Viết câu mở đoạn.
- Viết các câu triển khai.
- Viết câu kết thúc đoạn.

Trong một đoạn văn hay trong một bài văn sự liên kết trở nên rất quan trọng. Nếu thiếu sự liên kết đoạn văn sẽ rời rạc, lủng củng, thiếu lôgic... Sự liên kết giúp cho các câu trong đoạn chặt chẽ về ý và hoàn chỉnh về nội dung. Nên việc hướng dẫn cho các em cách liên kết tốt các câu trong đoạn là một việc không thể thiếu trong quá trình dạy Tập làm văn của người giáo viên. Liên kết các câu trong đoạn tốt để làm nền tảng khi lên các lớp lớn hơn học sinh sẽ biết liên kết các đoạn lại với nhau tạo thành một bài.

3.4.2. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh

Ở tất cả các môn học đều đòi hỏi học sinh tính tích cực, chủ động, sáng tạo. Và đối với phân môn Tập làm văn thì điều kiện này càng trở nên quan trọng hơn để các em có thể nói tốt, viết tốt. Người giáo viên cần phải có phương pháp kích lệ sự hứng thú của học sinh. Muốn vậy thì việc lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức dạy học là một vấn đề cần được giáo viên quan tâm và đầu tư.

Người giáo viên cần thay đổi nhiều hình thức học tập để tạo cơ hội cho nhiều học sinh cùng được tham gia trình bày ý kiến của mình, như: tổ chức học chung toàn lớp; tổ chức học theo nhóm (tổ chức lớp thành viên nhiều nhóm, các nhóm cùng đóng vai, trao đổi bàn bạc để thực hiện nội dung bài học); tổ chức để từng cá nhân làm việc độc lập nhằm thực hiện nhiệm vụ học tập.

3.4.3. Tăng cường các hoạt động tham quan, tìm hiểu thiên nhiên, đọc sách báo

Việc tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài trời như tham quan các di tích lịch sử, các khu vui chơi... có tác dụng rất lớn với phân môn Tập làm văn. Qua quan sát thực tế học sinh sẽ tăng thêm vốn hiểu biết về thiên nhiên, về con người...

Ngoài ra, khi ở trường đặc biệt là trong các tiết học Thư viện giáo viên cần khuyến khích học sinh đọc sách báo, tạp chí văn học, xem các băng đĩa về thiên nhiên, con người...

Thông qua các hoạt động ngoại khóa này học sinh sẽ được củng cố thêm về kiến thức, các em sẽ hiểu hơn về cuộc sống xung quanh chúng ta, mở rộng tầm nhìn, tạo sự hứng thú trong học tập...

*** Ví dụ:** Ông em (hoặc bà em) bị mệt. Em hãy nói với ông (hoặc bà) 2 - 3 câu để tỏ rõ sự quan tâm của mình.

(Bài tập 1 tiết Tập làm văn - tuần 11) SGK Tiếng Việt lớp 2 trang 94.

Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh nắm yêu cầu của bài tập, định hướng cho học sinh giao tiếp. Giáo viên dùng câu hỏi: Bài tập yêu cầu làm gì? nói gì? nói với ai, nói với hình ảnh nào? Nói để làm gì? Thái độ, tình cảm của các nhân vật khi nói với nhau như thế nào?

Hoạt động 2: Hướng dẫn mẫu: Giáo viên hướng dẫn, tổ chức cho một học sinh nói thử.

Hoạt động 3: Hướng dẫn, tổ chức cho học sinh nói.

Căn cứ tình huống giao tiếp được đặt ra trong đề bài. Giáo viên tổ chức cho nói theo hướng.

Chia lớp thành các nhóm nhỏ để luyện tập. Mỗi nhóm nhỏ hoạt động dưới hình thức trò chơi sắm vai (1 em đóng vai bà, 1 em đóng vai cháu). Trong khi học sinh thực hành: Giờ học tạo không khí hào hứng, tôn trọng học sinh, kích thích học sinh muốn nói, mạnh dạn nói bằng những lời động viên khen ngợi.

- Sử dụng câu hỏi gợi mở để dẫn dắt học sinh nói khi các em gặp khó khăn.

- Chú trọng rèn học sinh diễn đạt đúng, đủ, rõ ý bằng lời văn tự nhiên, chân thành, giàu cảm xúc. Khi học sinh diễn đạt cần phải thể hiện nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ... để làm tăng sức biểu cảm của lời nói.

- Định hướng cho học sinh khác nghe và nhận xét kết quả trình bày của bạn về nội dung nói, về cách thể hiện nội dung đó để học sinh thấy rõ ưu khuyết điểm.

Hoạt động 4: Tổ chức nhận xét, rút kinh nghiệm.

Từng bạn đã đóng góp đúng vai chưa: các câu nói của vai bạn đã đúng nghi thức lời nói chưa? (mở đầu, kết thúc cuộc gặp, cách trò chuyện, cách xưng hô...).

- Nội dung lời nói đã thực hiện đúng yêu cầu và đạt mục đích đề ra chưa?
- Cách dùng từ ngữ, diễn đạt ngữ điệu, thể hiện được nét mặt, ánh mắt chỗ nào cần học và cần sửa. Qua đó giáo viên nhấn mạnh những nghi thức lời nói cần thực hiện (với đề bài trên là nghi thức lời nói khi chia buồn, an ủi).
- Khi chấm bài giáo viên cũng cần có sự nhận xét cụ thể về những lỗi sai của HS để định hướng cho học sinh khắc phục trong lần sau.
- Nên tập cho các em có thói quen học tập các ý hay các đoạn văn hay hoặc từ bài làm của bạn, từ sách báo tham khảo và tạo thói quen ghi chép lại trong sổ tay văn học của mình.
- Phân môn Tập làm văn có tính tổng hợp (đòi hỏi học sinh phải bộc lộ cả năng lực tư duy, năng lực giao tiếp, năng lực tiếng việt lẫn khả năng cảm thụ, thái độ, cảm xúc cá nhân) phân môn Tập làm văn hơn bất kỳ một phân môn nào khác đặt lên hàng đầu yêu cầu phát huy tính chủ động, sáng tạo, bản lĩnh, cá nhân của học sinh. Do đó, dạy Tập làm văn phải tích cực hoá được hoạt động học tập của học sinh, phải tạo điều kiện để học sinh chủ động, tự do thể hiện cái "tôi" của mình một cách rõ ràng, bộc bạch cái riêng của mình một cách trọn vẹn. Nhà bác học Lê Quý Đôn đã từng khẳng định : “ *Muốn văn hay phải hiểu biết và từng trải nhiều*”.

GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM

Tập làm văn (Tuần 15): Chia vui. Kể về anh, chị, em.

I. Mục tiêu:

1 Rèn kỹ năng nghe và nói:

- Biết nói lời chia vui (chúc mừng) hợp tình huống giao tiếp (bài tập 1, bài tập 2); *Biết được những tình cảm đẹp đẽ trong gia đình.*

2 Rèn kỹ năng viết:

- Viết được đoạn văn ngắn kể về anh, chị, em .(bài tập 3); *Hiểu được tình cảm tốt đẹp trong gia đình; Thể hiện sự cảm thông, xác định giá trị, tự nhận thức về bản thân.*

- *Có ý thức trân trọng tình cảm anh chị em trong gia đình.*

II. Chuẩn bị

- Giáo viên: Tranh minh họa bài tập 1, một bó hoa. Bảng phụ, bút dạ. Một số tình huống để HS nói lời chia vui.

III. Các hoạt động dạy học:

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
1. Khởi động : 2. Bài cũ: <i>Quan sát tranh – Trả lời câu hỏi..</i> <i>Viết nhắn tin.</i> -Gọi học sinh đọc bài tập 2 của mình. -Nhận xét, ghi điểm từng học sinh.	- Hát -3 học sinh đọc tin nhắn . -Bạn nhận xét.

3. Bài mới <u>a. Khám phá:</u> -Khi ai đó gặp chuyện buồn, chúng ta phải làm gì? -Vậy khi người khác hạnh phúc, chúng ta sẽ nói gì? Bài học hôm nay sẽ giúp các em biết điều đó. <u>b. Kết nối:</u> Bài 1 -Treo bức tranh và hỏi bức tranh vẽ cảnh gì? -Gọi 1 học sinh đọc yêu cầu. -Chị Liên có niềm vui gì? -Khi chị Liên vui , Nam cũng cảm thấy như thế nào? -Nam chúc mừng chị Liên như thế nào? -Nếu là em trong trường hợp của Nam, em có cảm nghĩ như thế nào? Kết luận: Chị em trong gia đình phải biết	- Nói lời chia buồn hay an ủi. - Bé trai ôm hoa tặng chị. - Bạn Nam chúc mừng chị Liên được giải nhì trong kì thi học sinh giỏi của tỉnh. Hãy nhắc lại lời của Nam. - Đạt giải nhì trong kì thi học sinh giỏi của tỉnh. - Nam cũng thấy rất là vui. - Tặng hoa và nói: Em chúc mừng chị. Chúc chị sang năm được giải nhất. - Em sẽ thấy rất là vui, em cũng sẽ chúc mừng chị của mình như bạn Nam.
--	---

thương yêu, cảm thông, chia sẻ với nhau những buồn vui trong cuộc sống. Bài 2: - Gọi học sinh đọc yêu cầu bài - Nếu là em, em sẽ nói gì với chị Liên để chúc mừng chị. - Tổ chức cho học sinh thực hành sắm vai theo cặp. - Nhận xét. Bài 3 - Gọi 1 học sinh đọc yêu cầu. - Giáo viên nhận xét. - <i>Anh, chị, em trong gia đình phải có tình cảm như thế nào?</i>	- 3 đến 5 học sinh nhắc lại. - Học sinh nói lời của mình. - Em xin chúc mừng chị./ Chúc chị học giỏi hơn nữa./ Mong chị đạt thành tích cao hơn./ Em rất khâm phục chị./ - Học sinh thực hành sắm vai theo cặp nói lời chúc mừng chị Liên. - Học sinh thể hiện. - Nhận xét. - Hãy viết từ 3 đến 4 câu kể về anh, chị, em ruột (hoặc anh, chị, em họ) của em. - Học sinh thực hiện kể về anh, chị, em của mình cho các bạn cùng nghe. - <i>Phải biết thương yêu, đoàn kết, cảm thông, chia sẻ với nhau những buồn vui trong cuộc sống.</i>
---	--

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1.Kết luận

Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn là một trường chuẩn quốc gia vì vậy chất lượng dạy và học của trường rất tốt. Từ kết quả khảo sát thực trạng kỹ năng nói và kỹ năng diễn đạt của học sinh lớp 2 tôi rút ra một số kết luận như sau :

- Số học sinh có kỹ năng nói tốt chiếm tỉ lệ khá cao.
- Đa phần các em đã xác định được yêu cầu của bài nhưng vẫn còn gặp một chút khó khăn trong bước tìm ý để viết.
- Kỹ năng lập dàn ý dựa trên việc trả lời những câu hỏi của giáo viên tương đối tốt.
- Kỹ năng viết đoạn của học sinh dừng lại ở mức ổn định, chất lượng bài viết chưa thực sự cao do lứa tuổi của các em còn khá nhỏ thường nghĩ gì viết đó.

Đối với một trường chuẩn như Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn cần phải khắc phục kịp thời và nhanh chóng những tồn tại nêu trên. Để làm được điều đó cần phải có sự phối hợp của cả giáo viên và học sinh trong nhà trường.

Bản thân tôi là một sinh viên sư phạm khi đi vào tìm hiểu và nghiên cứu về đề tài này mặc dù chỉ là sơ đẳng nhưng nó đã giúp tôi rất nhiều trong việc hình thành và củng cố những kỹ năng cần thiết phục vụ cho con đường dạy học về sau.

Chắc chắn đề tài này sẽ còn rất nhiều những thiếu sót rất hi vọng sẽ nhận được sự quan tâm và góp ý của các thầy cô và các bạn để đề tài của tôi được hoàn thiện hơn.

2.Kiến nghị

Để góp phần nâng chất lượng học tập các môn nói chung và đặc biệt là kỹ năng nói và viết của phân môn Tập làm văn nói riêng tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau :

- Phân môn Tập làm văn với hai kỹ năng chủ yếu là kỹ năng nói và kỹ năng viết có tính chất liên quan, quyết định đến việc học tập các bộ môn khác trong nhà trường tiểu học đặc biệt là với lớp nhỏ như lớp 2 mà tôi nghiên cứu. Đây là nền tảng để học sinh học lên các lớp tiếp theo. Vì vậy mà nhiệm vụ của mỗi giáo viên là vô cùng quan trọng.

+ Mỗi giáo viên cần phải thường xuyên trau dồi, đổi mới và củng cố kiến thức cũng như các phương pháp dạy học.

+ Giáo viên phải thực sự mẫu mực, yêu nghề, quan tâm tới học sinh.

+ Có sự đầu tư, tâm huyết với mỗi bài giảng.

.....

- Cần rèn hình thành và rèn luyện cho học sinh có kỹ năng nói và kỹ năng viết tốt. Đồng thời phải kết hợp giữa lí thuyết và thực hành để học sinh ghi nhớ kiến thức hơn, kết hợp giữa giáo viên và gia đình học sinh để tạo điều kiện cho các em có môi trường học tập thật tốt khi ở trường cũng như ở nhà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê A, Thành Thị Yên Mỹ, Lê Phương Nga, Nguyễn Trí, Cao Đức Tiên, (1998), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt - tập 1*, NXB Giáo dục.
- [2]. Hồ Ngọc Đại (1983), *Tâm lí học dạy học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Phạm Minh Hạc (chủ biên), Lê Khanh, Trần Trọng Thủy (1988), *Tâm lí học tập 1*, NXB Giáo dục Hà Nội.
- [4]. Phạm Minh Hạc (chủ biên), Lê Khanh, Phạm Hoàng Gia, Trần Trọng Thủy (1989), *Tâm lí học tập 2*, NXB Giáo dục Hà Nội.
- [5]. Đặng Vũ Hoạt, Phó Đức Hòa (1997), *Giáo trình giáo dục học tiểu học*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm, NXB Giáo dục.
- [6]. Nguyễn Kế Hào (1992), *Học sinh tiểu học và nghề dạy học ở bậc tiểu học*, NXB Giáo dục.
- [7]. Bùi Văn Huệ (1997), *Giáo trình tâm lí học tiểu học*, NXB Giáo dục.
- [8]. Nguyễn Minh Thuyết (2008), *Hỏi – đáp về dạy học Tiếng Việt 2*, NXB Giáo dục.
- [9]. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (2008), *Tiếng Việt 2*, NXB Giáo dục.
- [10]. Nguyễn Trí (2002), *Dạy và học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo chương trình mới*, NXB Giáo dục.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN DỰ GIỜ

(Dùng cho sinh viên thực tập giảng dạy)

- Trường thực tập: Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn.
- Họ và tên sinh viên: LÊ THU THẢO.
- Dự giờ lớp: 2D - Sĩ số học sinh: 39
- Giáo viên dạy : Nguyễn Thị Hoa
- Tên bài dạy: Đáp lời xin lỗi. Tả ngắn về loài chim.

I. Nội dung đánh giá:

1. Đánh giá mục tiêu bài học so với kết quả thực hiện trong tiết dạy:

1.1. Rèn kỹ năng nói :

- Biết đáp lại lời xin lỗi trong giao tiếp đơn giản.(bài tập 1 và bài tập 2)

1.2. Rèn kỹ năng viết :

- Biết sắp xếp các câu đã cho thành đoạn văn hợp lí.
- Viết câu trả lời đủ ý, đúng ngữ pháp, chính tả.

2. Về kiến thức: (chính xác, khoa học, hiện đại, thực tiễn)

- Giáo viên dạy đủ, đúng và chuẩn kiến thức.
- Sau bài học học sinh biết đáp lời xin lỗi và viết được đoạn văn ngắn tả một loài chim mà các em yêu thích.

3. Về phương pháp, phương tiện dạy học: (Sử dụng phương pháp phù hợp đặc trưng bộ môn; Kết hợp các phương pháp trong hoạt động dạy học; Việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học; Sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học phù hợp nội dung, kiểu bài lên lớp)

➤ Giáo viên sử dụng kết hợp nhiều phương pháp trong dạy học để tạo cho giờ học đạt hiệu quả hơn, học sinh tiếp thu bài tốt mà không mang cảm giác chán nản :

. Phương pháp quan sát.

. Phương pháp thảo luận nhóm

. Phương pháp trò chơi (thực hành đóng vai)

➤ Sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học :

. Máy chiếu, hình ảnh cho các bài tập.

. Đoạn văn mẫu tả loài chim cho học sinh tham khảo.

4. Tổ chức tiết dạy: (Việc thực hiện các bước lên lớp trong một tiết dạy, phân phối thời gian cho các bước; Tổ chức và điều khiển học sinh học tập tích cực, chủ động. Học sinh hứng thú học tập)

+ Bài tập 1 :

➤ Cho học sinh đọc yêu cầu.

➤ Cả lớp quan sát tranh, đọc thầm lời thoại 2 nhân vật.

➤ 2, 3 cặp học sinh thực hành đóng vai, một em nói lời xin lỗi em kia đáp lại.

➤ Giáo viên khen những học sinh biết nói lời xin lỗi với thái độ chân thành.

➤ Hỏi học sinh :

- Trong trường hợp nào cần nói lời xin lỗi ?

- Nên đáp lại lời xin lỗi của người khác với thái độ như thế nào ?

+ Bài tập 2 :

- Cho học sinh làm miệng.
- 1 học sinh đọc yêu cầu và các tình huống cần đáp lại lời xin lỗi trong bài.
- Yêu cầu một cặp học sinh làm mẫu.

Ví dụ :

+ Một bạn vội, nói với em trên cầu thang :

- HS1 : Xin lỗi. Cho tớ đi trước một chút.

- HS2 : Ừ, bạn đi trước đi.

+ Một bạn vô ý đụng vào người em, vội nói :

- HS1 : Xin lỗi. Tớ vô ý quá !

- HS2 : Không sao đâu bạn.

+ Một bạn nghịch, làm mực bắn vào áo em, xin lỗi em:

- HS1 : Xin lỗi bạn. Mình lỡ tay thôi.

- HS2 : Ừ, tớ không sao mà.

+ Bạn xin lỗi em vì quên mang sách trả em :

- HS1 : Xin lỗi cậu. Tớ quên mang sách trả cậu rồi.

- HS2 : Không sao. Mai cậu mang trả tớ cũng được mà.

➤ Nhiều cặp học sinh thực hành nói lời xin lỗi và lời đáp lần lượt theo các tình huống.

➤ Giáo viên theo dõi nhận xét.

+ Bài tập 3 :

➤ Giáo viên nêu yêu cầu.

➤ Học sinh viết bài vào vở.

➤ Sau đó giáo viên chấm một số bài cho học sinh.

5. Kết quả: (Việc học sinh hiểu bài, nắm vững trọng tâm, biết vận dụng kiến thức)

- Sau bài học học sinh biết đáp lại lời xin lỗi trong giao tiếp đơn giản.
- Biết sắp xếp các câu đã cho thành đoạn văn hợp lí.

II. Nhận xét chung về tiết dạy:

- Tiết dạy truyền tải đúng, đủ nội dung kiến thức.
- Tạo được hứng thú học tập cho học sinh.
- Vận dụng được nhiều phương pháp đổi mới trong dạy học.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN DỰ GIỜ

(Dùng cho sinh viên thực tập giảng dạy)

- Trường thực tập: Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn.
- Họ và tên sinh viên: LÊ THU THẢO.
- Dự giờ lớp: 2D - Sĩ số học sinh: 39
- Giáo viên dạy : Nguyễn Thị Hoa
- Tên bài dạy: Đáp lời đồng ý. Tả ngắn về biển.

1. Nội dung đánh giá:

1. Đánh giá mục tiêu bài học so với kết quả thực hiện trong tiết dạy:

1.1. Rèn kỹ năng nói :

- Tiếp tục luyện tập cách đáp lại lời đồng ý trong một số tình huống giao tiếp.

1.2. Rèn kỹ năng viết :

- Trả lời câu hỏi về biển.
- Viết câu trả lời đủ ý, đúng ngữ pháp, chính tả.

2. Về kiến thức: (chính xác, khoa học, hiện đại, thực tiễn)

- Giáo viên dạy đủ, đúng và chuẩn kiến thức.
- Sau bài học học sinh được luyện tập nói lời đáp và trả lời được các câu hỏi của bài. Học sinh khá, giỏi viết được đoạn văn ngắn về biển.

3. Về phương pháp, phương tiện dạy học: (Sử dụng phương pháp phù hợp đặc trưng bộ môn; Kết hợp các phương pháp trong hoạt động dạy học; Việc

thực hiện đổi mới phương pháp dạy học; Sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học phù hợp nội dung, kiểu bài lên lớp)

-- Giáo viên sử dụng kết hợp nhiều phương pháp trong dạy học để tạo cho giờ học đạt hiệu quả hơn, học sinh tiếp thu bài tốt mà không mang cảm giác chán nản :

+ Phương pháp thảo luận nhóm

+ Phương pháp trò chơi (thực hành đóng vai)

- Sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học :

+ Máy chiếu, hình ảnh cho các bài tập.

+ Đoạn văn mẫu tả biển cho học sinh tham khảo.

4. Tổ chức tiết dạy: (Việc thực hiện các bước lên lớp trong một tiết dạy, phân phối thời gian cho các bước; Tổ chức và điều khiển học sinh học tập tích cực, chủ động. Học sinh hứng thú học tập)

+ Bài tập 1 :

+ Cho học sinh đọc yêu cầu

+ Các cặp học sinh thực hành đóng vai

Ví dụ : Em quên chiếc áo mưa trong lớp, quay lại trường để lấy. Bác bảo vệ sắp đi nghỉ, thấy em xin vào, bác mở cửa nói : “Cháu vào đi !”

➤ Cháu vào đi.

➤ Cháu cảm ơn bác nhiều ạ.

.Sau đó cho nhiều học sinh thực hành đóng vai.

+ Bài tập 2 :

- Giáo viên nêu yêu cầu.

- Yêu cầu học sinh đọc bài làm tả về biển ở trang 25 sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 2.

- Hướng dẫn học sinh viết liền mạch 4 câu đó để tạo thành đoạn văn ngắn.
- Sau đó giáo viên chấm một số bài cho học sinh.

5. Kết quả: (Việc học sinh hiểu bài, nắm vững trọng tâm, biết vận dụng kiến thức)

- Sau bài học học sinh thích nói lời đáp lại . Viết được đoạn văn ngắn tả biển.

III. Nhận xét chung về tiết dạy:

- Tiết dạy truyền tải đúng, đủ nội dung kiến thức.
- Tạo được hứng thú học tập cho học sinh.
- Vận dụng được nhiều phương pháp đổi mới trong dạy học.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN DỰ GIỜ

(Dùng cho sinh viên thực tập giảng dạy)

- Trường thực tập: Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn.
- Họ và tên sinh viên: LÊ THU THẢO.
- Dự giờ lớp: 2D - Sĩ số học sinh: 39
- Giáo viên dạy: Nguyễn Thị Hoa
- Tên bài dạy: Đáp lời khẳng định. Viết nội quy.

1. Nội dung đánh giá:

1. Đánh giá mục tiêu bài học so với kết quả thực hiện trong tiết dạy:

1.1. Rèn kỹ năng nói :

- Biết đáp lại lời khẳng định phù hợp với tình huống giao tiếp thể hiện thái độ lịch sự.

1.2. Rèn kỹ năng viết :

- Biết viết lại một vài điều trong nội quy của trường.
- Viết câu đủ ý, đúng ngữ pháp, chính tả.

2. Về kiến thức: (chính xác, khoa học, hiện đại, thực tiễn)

- Giáo viên dạy đủ, đúng và chuẩn kiến thức.
- Sau bài học học sinh biết đáp lời khẳng định và viết được một vài nội quy của trường.

3. Về phương pháp, phương tiện dạy học: (Sử dụng phương pháp phù hợp đặc trưng bộ môn; Kết hợp các phương pháp trong hoạt động dạy học; Việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học; Sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học phù hợp nội dung, kiểu bài lên lớp)

- Giáo viên sử dụng kết hợp nhiều phương pháp trong dạy học để tạo cho giờ học đạt hiệu quả hơn, học sinh tiếp thu bài tốt mà không mang cảm giác chán nản :

+ Phương pháp quan sát.

+ Phương pháp thảo luận nhóm.

- Sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học :

+ Máy chiếu, hình ảnh cho các bài tập.

+ Bảng phụ ghi một số nội quy của trường cho học sinh tham khảo.

4. Tổ chức tiết dạy: (Việc thực hiện các bước lên lớp trong một tiết dạy, phân phối thời gian cho các bước; Tổ chức và điều khiển học sinh học tập tích cực, chủ động. Học sinh hứng thú học tập)

+ Bài tập 1 :

- Cho học sinh đọc yêu cầu.

- Cho học sinh quan sát tranh minh họa và yêu cầu học sinh đọc lời của các nhân vật.

- Hỏi học sinh :

- Khi bạn nhỏ hỏi cô bán vé, cô bán vé trả lời như thế nào ?

- Bạn nhỏ đáp lại lời cô bán vé như thế nào ?

- Theo em tại sao bạn học sinh nói như vậy ?

(ví dụ : bạn nhỏ thể hiện lịch sự đúng mực trong giao tiếp.)

- Bạn nào có thể tìm được câu nói khác thay cho lời đáp lại của bạn học sinh ?

(ví dụ : vâng ạ.)

- Gọi 3 đến 4 học sinh thực hành đối thoại trước lớp.

+ Bài tập 2 :

- Học sinh đọc yêu cầu và các tình huống trong bài tập.

- Cặp học sinh đối thoại lời đáp sao cho phù hợp với từng tình huống.

Ví dụ :

➤ Mẹ ơi, đây có phải con hươu sao không ạ ?

➤ Phải đấy, con ạ.

➤

M : - Nó giống con hươu trong phim thế, mẹ nhỉ ?

- Trông nó dễ thương quá !

- Nó xinh quá !

○ Yêu cầu 2 học sinh ngồi cạnh nhau cùng đóng vai thể hiện lại từng tình huống trong bài.

○ Giáo viên theo dõi nhận xét.

+ Bài tập 3 :

○ Giáo viên nêu yêu cầu.

○ Giáo viên hướng dẫn cho học sinh hiểu yêu cầu của bài.

○ Treo bảng phụ và yêu cầu học sinh đọc nội quy trường học sinh.

○ Học sinh viết bài vào vở.

○ Sau đó giáo viên chấm một số bài cho học sinh.

5. Kết quả: (Việc học sinh hiểu bài, nắm vững trọng tâm, biết vận dụng kiến thức)

- Sau bài học học sinh biết cách nói lời khẳng định phù hợp với tình huống giao tiếp thể hiện thái độ lịch sự.

- Biết viết lại một vài điều trong nội quy của trường.

IV. Nhận xét chung về tiết dạy:

-Tiết dạy truyền tải đúng, đủ nội dung kiến thức.

-Tạo được hứng thú học tập cho học sinh.

-Vận dụng được nhiều phương pháp đổi mới trong dạy học.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN DỰ GIỜ

(Dùng cho sinh viên thực tập giảng dạy)

- Trường thực tập: Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn.
- Họ và tên sinh viên: LÊ THU THẢO.
- Dự giờ lớp: 2D - Sĩ số học sinh: 39
- Giáo viên dạy : Nguyễn Thị Hoa
- Tên bài dạy: Đáp lời đồng ý. Quan sát tranh, trả lời câu hỏi.

I. Nội dung đánh giá:

1. Đánh giá mục tiêu bài học so với kết quả thực hiện trong tiết dạy:

1.1.Rèn kỹ năng nói :

- Tiếp tục luyện tập cách đáp, đáp lời đồng ý trong một số tình huống giao tiếp.

1.2.Rèn kỹ năng viết :

- Biết quan sát tranh, trả lời đúng các câu hỏi.
- Viết câu trả lời đủ ý, đúng ngữ pháp, chính tả.

2. Về kiến thức: (chính xác, khoa học, hiện đại, thực tiễn)

- Giáo viên dạy đủ, đúng và chuẩn kiến thức.
- Sau bài học học sinh biết đáp lời đồng ý và trả lời đúng các câu hỏi của bài tập.

3. Về phương pháp, phương tiện dạy học: (Sử dụng phương pháp phù hợp đặc trưng bộ môn; Kết hợp các phương pháp trong hoạt động dạy học; Việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học; Sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học phù hợp nội dung, kiểu bài lên lớp)

- Giáo viên sử dụng kết hợp nhiều phương pháp trong dạy học để tạo cho giờ học đạt hiệu quả hơn, học sinh tiếp thu bài tốt mà không mang cảm giác chán nản :

. Phương pháp quan sát.

. Phương pháp thảo luận nhóm.

- Sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học :

. Máy chiếu, hình ảnh cho các bài tập.

. Đoạn văn mẫu cho học sinh tham khảo.

4. Tổ chức tiết dạy: (Việc thực hiện các bước lên lớp trong một tiết dạy, phân phối thời gian cho các bước; Tổ chức và điều khiển học sinh học tập tích cực, chủ động. Học sinh hứng thú học tập)

+ Bài tập 1 :

. Cho học sinh đọc yêu cầu.

. Giáo viên mời một cặp học sinh thực hành đóng vai nói lời đồng ý- đáp lời đồng ý.

. Hà : Cháu chào bác ạ. Cháu xin phép bác cho cháu gặp bạn Dũng.

. Bố Dũng : Cháu vào nhà đi, Dũng đang học bài đấy.

. Hà : Cháu cảm ơn bác. Cháu xin phép bác.

. Gọi 3 đến 4 học sinh thực hành đối thoại trước lớp.

+ Bài tập 2 :

. Học sinh đọc yêu cầu.

. Yêu cầu học sinh trao đổi nhóm về nội dung lời đáp, thái độ phù hợp với mỗi tình huống.

Ví dụ :

a) Hương cho tớ mượn cái tẩy nhé ?

- Ừ.

- Cảm ơn cậu. Cậu thật tốt.

b) – Em cho anh chạy thử cái tàu thủy của em nhé ?

- Vâng.

- Cảm ơn em.

+ Bài tập 3 :

. Giáo viên nêu yêu cầu.

. Giáo viên hướng dẫn cho học sinh hiểu yêu cầu của bài.

. Giáo viên hướng dẫn học sinh trả lời từng câu hỏi của bài.

Ví dụ :

. Tranh vẽ cảnh gì ? (Tranh vẽ cảnh biển vào buổi sáng.)

. Sóng biển như thế nào ? (Sóng biển nhấp nhô.)

. Trên mặt biển có những gì ? (Trên mặt biển có những con thuyền ra khơi đánh cá và đàn hải âu đang bay lượn.)

. Trên bầu trời có những gì ? (Trên bầu trời mặt trời đang dần lên cao.)

5. Kết quả: (Việc học sinh hiểu bài, nắm vững trọng tâm, biết vận dụng kiến thức)

- Sau bài học học sinh được luyện tập cách đáp, đáp lời đồng khen ngợi trong một số tình huống giao tiếp.

- Rèn kỹ năng viết trả lời về biển.

V. Nhận xét chung về tiết dạy:

-Tiết dạy truyền tải đúng, đủ nội dung kiến thức.

-Tạo được hứng thú học tập cho học sinh.

-Vận dụng được nhiều phương pháp đổi mới trong dạy học.

Phụ lục 2
PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 1
(Kiểm tra kỹ năng hiểu đề)

Họ và tên:.....

Lớp:.....Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn

A.Em hãy đọc đoạn văn sau:

CHIM CHÍCH BÔNG

Chích bông là một con chim bé xinh đẹp trong thế giới loài chim.

Hai chân chích bông xinh xinh bằng hai chiếc tăm. Thế mà hai cái chân tăm ấy rất nhanh nhẹn , được việc , nhảy cứ liên liên. Hai chiếc cánh nhỏ xíu. Cánh nhỏ mà xoải nhanh vun vút. Cặp mỏ chích bông tí tẹo bằng hai mảnh vỏ trấu chấp lại. Thế mà quý lắm đấy. Cặp mỏ tí hon ấy gắp sâu trên lá nhanh thoăn thoắt. Nó khéo biết moi những con sâu độc ác nằm bí mật trong những thân cây mảnh dẻ, ốm yếu.

Chích bông xinh đẹp chẳng những là bạn của trẻ em mà còn là bạn của bà con nông dân.

Theo Tô Hoài

B.Trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách điền vào chỗ chấm.

1.Tìm những câu tả hình dáng của chích bông.

.....

.....

.....

.....

.....

2.Tìm những câu tả hoạt động của chích bông.

.....

.....

.....

.....

.....

3.Viết 2, 3 câu về một loài chim em thích.

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 2

(Kiểm tra kỹ năng lập dàn ý)

Họ và tên:.....

Lớp:.....Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn

Đề bài: Hãy viết một đoạn văn từ 3 đến 5 câu nói về mùa hè.

Trả lời các câu hỏi gợi ý :

1.Mùa hè bắt đầu từ tháng nào trong năm ?

.....

.....

.....

2.Mặt trời mùa hè như thế nào ?

.....

.....

.....

3.Cây trái trong vườn như thế nào ?

.....

.....

.....

4.Học sinh thường làm gì vào dịp nghỉ hè ?

.....

.....

.....

.....

.....

(Kiểm tra kỹ năng diễn đạt)

Lớp:.....Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn

Bài làm

This image shows a full page of a document template designed for handwritten notes or essays. It features approximately 28 evenly spaced, horizontal grey lines across the entire width of the page. The margins are consistent on all sides, providing ample space for writing. There are no pre-printed questions, headings, or other markings on the page.

PHIẾU ĐIỀU TRA SỐ 3A

(Kiểm tra kỹ năng viết)

Họ và tên:.....

Lớp:.....Trường Tiểu học Thị trấn Sóc Sơn

Viết một đoạn văn ngắn từ 3 đến 5 câu tả con mèo.

Bài làm

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines, typical of primary school writing paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.